**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 01

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010001 | Hồ Hoài | An | 19/04/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 2 | 010002 | Hoàng Minh | Anh | 08/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 010003 | Hoàng Minh | Anh | 15/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 010004 | Lê Hoàng Tuấn | Anh | 21/04/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 5 | 010005 | Lê Tuấn | Anh | 17/06/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 6 | 010006 | Lê Trần Việt | Anh | 04/12/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 7 | 010007 | Ngô Ngọc | Anh | 18/10/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 8 | 010008 | Nguyễn Hoàng | Anh | 28/06/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 9 | 010009 | Nguyễn Minh | Anh | 31/03/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 10 | 010010 | Nguyễn Tuấn | Anh | 01/12/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 11 | 010011 | Phạm Quỳnh | Anh | 25/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 010012 | Phạm Tùng | Anh | 25/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 010013 | Phan Phúc | Anh | 08/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 010014 | Trần Đức | Anh | 08/05/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 15 | 010015 | Trần Đức | Anh | 26/04/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 16 | 010016 | Trần Ngọc | Anh | 18/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 010017 | Vũ Mai | Anh | 30/07/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 18 | 010018 | Vũ Tuệ | Anh | 20/11/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 19 | 010019 | Hà Đức | Bách | 06/03/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 20 | 010020 | Lưu Quốc | Bảo | 05/03/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 21 | 010021 | Vũ Gia | Bảo | 13/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 22 | 010022 | Vũ Nam | Bắc | 30/04/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 23 | 010023 | Nguyễn Ngô Ngọc | Bình | 09/10/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 24 | 010024 | Nguyễn Thanh | Bình | 03/06/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 25 | 010025 | Vũ Nguyễn Gia | Bình | 22/10/2009 | 9 | THCS Suối Khoáng | |
| 26 | 010026 | Trần Duy | Công | 03/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 27 | 010027 | Ngô Trí | Cường | 16/05/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 28 | 010028 | Nguyễn Bá | Cường | 20/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 29 | 010029 | Đinh Nguyễn Minh | Châu | 05/06/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 30 | 010030 | Nguyễn Vũ Bảo | Châu | 29/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 31 | 010031 | Lê Thị Kim | Chi | 09/01/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 32 | 010032 | Phạm Vân | Chi | 11/03/2009 | 9 | THCS Ninh Dương | |
| 33 | 010033 | Phan Vũ Uyển | Chi | 22/10/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 34 | 010034 | Trần Khánh | Chi | 24/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 35 | 010273 | Thái Bá | Vĩnh | 09/06/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |

*Danh sách này gồm 35 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 02

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010035 | Lê Ngọc | Diệp | 03/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 2 | 010036 | Cao Việt | Dũng | 19/03/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 3 | 010037 | Dương Đức | Dũng | 06/06/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 4 | 010038 | Đặng Minh | Dũng | 24/06/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 5 | 010039 | Đỗ Đại | Dũng | 20/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 6 | 010040 | Nguyễn Anh | Dũng | 11/12/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 7 | 010041 | Nguyễn Quang | Dũng | 20/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 8 | 010042 | Nguyễn Tiến | Dũng | 17/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 9 | 010043 | Nguyễn Trần Tiến | Dũng | 27/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 010044 | Phạm Minh | Dũng | 18/08/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 010045 | Phạm Tiến | Dũng | 15/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 010046 | Phùng Tiến | Dũng | 02/11/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 13 | 010047 | Vương Tiến | Dũng | 11/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 010048 | Đào Anh | Duy | 03/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 010049 | Phạm Anh | Duy | 21/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 16 | 010050 | Phạm Thị Hải | Duyên | 28/05/2009 | 9 | THCS Hà Trung | |
| 17 | 010051 | Nguyễn Nam | Dương | 16/11/2009 | 9 | THCS Hạ Long | |
| 18 | 010052 | Phạm Hoàng | Dương | 28/11/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 19 | 010053 | Vũ Bình | Dương | 15/08/2009 | 9 | Thcs Cẩm Thành | |
| 20 | 010054 | Vũ Hoàng | Dương | 16/11/2009 | 9 | THCS Nam Hòa | |
| 21 | 010055 | Hà Duy | Đạt | 18/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 22 | 010056 | Mạc Thành | Đạt | 26/11/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 010057 | Nguyễn Tiến | Đạt | 14/01/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 24 | 010058 | Vi Trí | Đạt | 04/07/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 25 | 010059 | Lại An | Đông | 08/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 010060 | Đặng Minh | Đức | 24/10/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 27 | 010061 | Đoàn Minh | Đức | 08/04/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 28 | 010062 | Hòa Minh | Đức | 31/12/2009 | 8 | THCS Nam Hải | |
| 29 | 010063 | Hoàng Phạm Anh | Đức | 30/11/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 30 | 010064 | Nguyễn Huỳnh | Đức | 14/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 31 | 010065 | Nguyễn Minh | Đức | 16/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 32 | 010066 | Nguyễn Minh | Đức | 12/07/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 33 | 010067 | Nguyễn Tài | Đức | 28/04/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 34 | 010068 | Phạm Minh | Đức | 29/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 03

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010069 | Trần Trọng | Đức | 12/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 010070 | Vũ Anh | Đức | 07/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 3 | 010071 | Lưu Phú | Gia | 12/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 4 | 010072 | Hoàng Bảo | Hà | 14/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 5 | 010073 | Hoàng Ngọc | Hà | 28/02/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 6 | 010074 | Phạm Ngân | Hà | 06/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 010075 | Tạ Tuấn | Hà | 30/04/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 8 | 010076 | Dương Tuấn | Hải | 17/01/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 9 | 010077 | Khúc Mạnh | Hải | 12/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 010078 | Nguyễn Hoàng | Hải | 06/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 11 | 010079 | Phạm Thanh | Hải | 29/11/2009 | 9 | THCS CAO THẮNG | |
| 12 | 010080 | Vũ Quang | Hải | 13/08/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 13 | 010081 | Nguyễn Nhật | Hạo | 25/06/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 14 | 010082 | Bùi Minh | Hằng | 06/05/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 15 | 010083 | Nguyễn Minh | Hằng | 18/10/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 16 | 010084 | Đinh Gia | Hân | 24/01/2009 | 9 | THCS Trưng Vương | |
| 17 | 010085 | Đỗ Ngọc | Hân | 12/10/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 18 | 010086 | Bùi Đức | Hiếu | 22/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 010087 | Đỗ Minh | Hiếu | 04/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 010088 | Lê Văn | Hiếu | 05/04/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 21 | 010089 | Nguyễn Minh | Hiếu | 04/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 22 | 010090 | Nguyễn Minh | Hiếu | 26/11/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 010091 | Nguyễn Trung | Hiếu | 16/07/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 24 | 010092 | Nguyễn Trung | Hiếu | 03/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 25 | 010093 | Phạm Hoàng | Hiếu | 03/01/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 26 | 010094 | Phạm Minh | Hiếu | 10/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 27 | 010095 | Phạm Minh | Hiếu | 17/03/2010 | 8 | THCS Mạo Khê L | |
| 28 | 010096 | Hoàng Thu | Hoài | 20/09/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 29 | 010097 | Đặng Nhật | Hoàng | 06/08/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 30 | 010098 | Nguyễn | Hoàng | 04/01/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 31 | 010099 | Nguyễn Bá | Hoàng | 07/07/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 32 | 010100 | Nguyễn Khắc | Hoàng | 26/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 33 | 010101 | Nguyễn Viết Nhật | Hoàng | 26/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 34 | 010102 | Phạm Hải | Hoàng | 04/06/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 04

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010103 | Phạm Hải | Hoàng | 04/06/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 2 | 010104 | Phạm Hải | Hoàng | 04/06/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 3 | 010105 | Trần Minh | Hoàng | 13/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 010106 | Hoàng Minh | Học | 05/07/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 5 | 010107 | Nguyễn Anh | Hùng | 05/11/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 6 | 010108 | Nguyễn Mạnh | Hùng | 09/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 010109 | Nguyễn Trọng Vũ | Hùng | 09/12/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 8 | 010110 | Nguyễn Vũ Đại | Hùng | 03/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 9 | 010111 | Châu Gia | Huy | 16/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 010112 | Đào Bá | Huy | 22/06/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 010113 | Lê Gia | Huy | 07/01/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 12 | 010114 | Lê Quang | Huy | 11/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 13 | 010115 | Nguyễn Gia | Huy | 25/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 010116 | Nguyễn Thái | Huy | 17/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 010117 | Nguyễn Thái | Huy | 05/01/2009 | 9 | Thcs Lý Tự Trọng | |
| 16 | 010118 | Nguyễn Vũ Gia | Huy | 02/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 010119 | Trần Quốc | Huy | 01/09/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 18 | 010120 | Vũ Nguyễn Đức | Huy | 19/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 010121 | Hoàng Quang | Hưng | 30/10/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 20 | 010122 | Nguyễn Duy | Hưng | 26/09/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 21 | 010123 | Nguyễn Duy | Hưng | 27/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 010124 | Phạm Hữu | Hưng | 10/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 010125 | Trần Gia | Hưng | 18/07/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 010126 | Nguyễn Minh | Hương | 22/06/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 25 | 010127 | Phạm Thu | Hương | 15/05/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 26 | 010128 | Nguyễn Đức | Kiên | 01/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 27 | 010129 | Nguyễn Đỗ Tuấn | Kiệt | 04/08/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 28 | 010130 | Nguyễn Nam | Kiệt | 13/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 29 | 010131 | Nguyễn Diễm | Kiều | 13/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 30 | 010132 | Nguyễn Minh | Kỳ | 16/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 31 | 010133 | Dương Anh | Kha | 15/10/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 32 | 010134 | Trịnh Văn | Khải | 01/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 33 | 010135 | Bùi Gia | Khang | 07/09/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 34 | 010136 | Bùi Tấn | Khang | 15/04/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 05

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010137 | Phạm Gia | Khang | 10/05/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 2 | 010138 | Hoàng Ngọc | Khánh | 24/04/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 3 | 010139 | Kiều Nam | Khánh | 06/10/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 4 | 010140 | Lê Bá Duy | Khánh | 23/11/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 5 | 010141 | Lê Nam | Khánh | 07/03/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 6 | 010142 | Nguyễn Gia | Khánh | 24/06/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 010143 | Nguyễn Nhật | Khánh | 03/01/2009 | 9 | TH&THCS Núi Mằn | |
| 8 | 010144 | Phạm Duy | Khánh | 15/07/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 9 | 010145 | Nguyễn Đăng | Khoa | 08/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 10 | 010146 | Huỳnh Tuấn | Khôi | 07/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 010147 | Ngô Mai | Khuê | 20/07/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 12 | 010148 | Nông Mai | Lan | 21/06/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 13 | 010149 | Bùi Tùng | Lâm | 16/02/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 14 | 010150 | Lê Đỗ Tuệ | Lâm | 17/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 010151 | Mai Ngọc Tường | Lâm | 10/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 16 | 010152 | Vũ Tùng | Lâm | 14/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 17 | 010153 | Lê Thùy | Linh | 24/04/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 18 | 010154 | Nguyễn Khánh | Linh | 05/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 19 | 010155 | Nguyễn Thuỳ | Linh | 12/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Du | |
| 20 | 010156 | Nguyễn Thùy | Linh | 12/02/2009 | 9 | THCS Hải Tiến | |
| 21 | 010157 | Trần Thảo | Linh | 05/09/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 22 | 010158 | Trương Hà | Linh | 09/03/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 23 | 010159 | Vũ Nguyễn Hải | Linh | 23/05/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 24 | 010160 | Vũ Thùy | Linh | 30/08/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 25 | 010161 | Bùi Hoàng | Long | 18/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 26 | 010162 | Nguyễn Bảo | Long | 07/09/2009 | 9 | THCS Nguyễn Du | |
| 27 | 010163 | Phạm Mai Hải | Long | 01/02/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 28 | 010164 | Phạm Xuân | Long | 28/10/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 29 | 010165 | Trần Đình | Long | 29/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 30 | 010166 | Trần Đức | Long | 16/12/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 31 | 010167 | Trịnh Hoàng | Long | 14/05/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 32 | 010168 | Nguyễn Minh | Luân | 07/04/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 33 | 010169 | Nguyễn Vũ Doanh | Lương | 04/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 34 | 010170 | Trần Đức | Mạnh | 08/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 06

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010171 | Bùi Lê Ngọc | Minh | 10/12/2009 | 9 | THCS Phong Cốc | |
| 2 | 010172 | Bùi Thùy | Minh | 16/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 010173 | Chu Tuấn | Minh | 15/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 010174 | Dương Đức | Minh | 05/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 5 | 010175 | Đặng Tuấn | Minh | 25/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 010176 | Đỗ Lê | Minh | 17/01/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 7 | 010177 | Hà Quang | Minh | 18/07/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 8 | 010178 | Lê Công | Minh | 26/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 9 | 010179 | Lê Kế | Minh | 28/11/2009 | 9 | THCS Trưng Vương | |
| 10 | 010180 | Lê Ngọc | Minh | 28/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 11 | 010181 | Mai Ngọc | Minh | 15/06/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 12 | 010182 | Nguyễn Lưu Nhật | Minh | 17/08/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 13 | 010183 | Nguyễn Quang | Minh | 26/08/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 14 | 010184 | Phạm Ngọc | Minh | 06/10/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Ba Chẽ | |
| 15 | 010185 | Phạm Phương | Minh | 14/11/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 16 | 010186 | Phạm Tuấn | Minh | 24/05/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 17 | 010187 | Trần Tuấn | Minh | 09/01/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 18 | 010188 | Vũ Quang | Minh | 11/11/2010 | 8 | THCS Kim Đồng | |
| 19 | 010189 | Vũ Tuấn | Minh | 03/01/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 20 | 010190 | Vương Đức | Minh | 08/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 010191 | Bùi Vũ Bảo | Nam | 18/04/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 22 | 010192 | Phạm Hữu | Nam | 20/09/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 23 | 010193 | Vũ Thành | Nam | 28/09/2009 | 9 | THCS Ka Long | |
| 24 | 010194 | Nguyễn Thanh | Nga | 11/05/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 25 | 010195 | Trần Thiên | Ngân | 15/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 26 | 010196 | Vũ Hoàng Kim | Ngân | 31/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 27 | 010197 | Nguyễn Trần Minh | Ngọc | 22/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 28 | 010198 | Phạm Khánh | Ngọc | 05/04/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 29 | 010199 | Phạm Thế | Ngọc | 30/12/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 30 | 010200 | Phùng Khôi | Nguyên | 07/10/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 31 | 010201 | Trịnh Khôi | Nguyên | 07/01/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 32 | 010202 | Trương Phước | Nguyên | 15/05/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 33 | 010203 | Đinh Ngọc | Nhi | 12/11/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 34 | 010204 | Khuất Hoàng Khánh | Nhi | 02/08/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 07

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010205 | Phạm Thị Khánh | Nhi | 14/06/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 2 | 010206 | Trịnh Ngọc | Nhi | 28/07/2009 | 9 | THCS Đông Xá | |
| 3 | 010207 | Đặng Đức | Phát | 01/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 4 | 010208 | Trần Minh | Phi | 15/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 5 | 010209 | Phạm Thanh | Phong | 13/01/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 6 | 010210 | Bùi Bá | Phú | 16/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 010211 | Nguyễn Duy | Phú | 07/06/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 8 | 010212 | Nguyễn Hoàng | Phú | 02/11/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 9 | 010213 | Lương Gia | Phúc | 04/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 010214 | Nguyễn Hữu | Phúc | 03/04/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 11 | 010215 | Lương Hữu | Phước | 21/03/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 12 | 010216 | Lê Hồ | Phương | 27/12/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 13 | 010217 | Lương Đức | Phương | 14/10/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 14 | 010218 | Nguyễn Thị Thanh | Qúy | 29/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 010219 | Bùi Minh | Quang | 20/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 010220 | Giang Minh | Quang | 22/05/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 17 | 010221 | Ngô Đình | Quang | 30/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 010222 | Hoàng Anh | Quân | 16/12/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 19 | 010223 | Lan Nguyễn Anh | Quân | 24/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Ba Chẽ | |
| 20 | 010224 | Nguyễn An Trúc | Quân | 07/10/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 21 | 010225 | Vi Mạnh | Quân | 23/02/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 22 | 010226 | Hoàng Trần Khánh | Quyên | 17/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 23 | 010227 | Nguyễn Ngọc Minh | Quyền | 08/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 24 | 010228 | Nguyễn Thị Thu | Quỳnh | 14/03/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 25 | 010229 | Trần Diễm | Quỳnh | 18/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 010230 | Bùi Xuân | Sơn | 13/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 27 | 010231 | Vũ Nguyễn Hải | Sơn | 02/10/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 28 | 010232 | Vũ Nguyễn Hải | Sơn | 02/10/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 29 | 010233 | Đỗ Bình | Tám | 29/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 30 | 010234 | Lê Minh | Tấn | 06/11/2009 | 9 | THCS Phong Cốc | |
| 31 | 010235 | Nguyễn Anh | Tú | 05/05/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 32 | 010236 | Nguyễn Thị Cẩm | Tú | 02/07/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 33 | 010237 | Hoàng Gia | Tuệ | 14/02/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 34 | 010238 | Nguyễn Thanh | Tuệ | 07/12/2010 | 8 | THCS Kim Đồng | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TOÁN

Phòng thi 08

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 010239 | Lê Duy | Tùng | 16/01/2009 | 9 | TH&THCS Thống Nhất | |
| 2 | 010240 | Ngô Danh | Tùng | 29/04/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 3 | 010241 | Chu Thành | Thái | 16/07/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 4 | 010242 | Nguyễn Hải | Thanh | 27/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 5 | 010243 | Trần Thiên | Thanh | 09/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 6 | 010244 | Nguyễn Phương | Thảo | 17/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 010245 | Nguyễn Thanh | Thảo | 05/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 010246 | Lương Quang | Thắng | 20/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 010247 | Vũ Minh | Thắng | 30/09/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 10 | 010248 | Lê Tuấn | Thịnh | 24/10/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 11 | 010249 | Đỗ Gia | Thọ | 19/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 010250 | Lê Thị | Thúy | 13/05/2009 | 9 | TH&THCS Tiền Phong | |
| 13 | 010251 | Lê Trần Anh | Thư | 24/10/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 14 | 010252 | Nguyễn Thanh | Thư | 28/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 010253 | Đỗ Anh | Thương | 26/09/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 16 | 010254 | Đỗ Thị Thu | Trang | 22/03/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 17 | 010255 | Nguyễn Minh | Trang | 27/08/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 18 | 010256 | Nguyễn Thị Mai | Trang | 11/08/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 19 | 010257 | Nguyễn Thị Mai | Trang | 08/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 20 | 010258 | Phạm Mai | Trang | 22/09/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 21 | 010259 | Nguyễn Khánh | Trọng | 04/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 010260 | Đặng Thành | Trung | 26/03/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 23 | 010261 | Lài Thiêm | Trường | 01/02/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 24 | 010262 | NGÔ MINH | TRƯỜNG | 10/05/2010 | 8 | THCS PHƯƠNG ĐÔNG | |
| 25 | 010263 | Vũ Huy | Trường | 10/04/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 26 | 010264 | Vũ Mạnh | Trường | 28/04/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 27 | 010265 | Đặng Hà | Vi | 05/03/2009 | 9 | THCS Đầm Hà | |
| 28 | 010266 | Nguyễn Đức | Việt | 11/03/2009 | 9 | TH&THCS Hùng Thắng | |
| 29 | 010267 | Đặng Quang | Vinh | 21/08/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 30 | 010268 | Nguyễn Thế | Vinh | 13/07/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 31 | 010269 | Ngô Hoàng | Vũ | 20/02/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 32 | 010270 | Tạ Uy | Vũ | 05/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 33 | 010271 | Nguyễn Ngọc | Vy | 06/07/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 34 | 010272 | Vũ Ngọc Tường | Vy | 31/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 34 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: VẬT LÍ

Phòng thi 09

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 030001 | Đoàn Hoàng | Anh | 06/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 030002 | Đỗ Đức | Anh | 08/06/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 3 | 030003 | Đỗ Hải | Anh | 08/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 4 | 030004 | Lê Đình Khang | Anh | 12/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 030005 | Nguyễn Hà | Anh | 25/07/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 6 | 030006 | Nguyễn Lưu Mai | Anh | 29/08/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 7 | 030007 | Trần Duy | Anh | 07/05/2009 | 9 | THCS Quang Hanh | |
| 8 | 030008 | Trần Duy Thế | Anh | 09/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 030009 | Triệu Quốc | Anh | 10/03/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 10 | 030010 | Nguyễn Duy | Bách | 16/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 11 | 030011 | Trần Gia | Bảo | 22/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 030012 | Lâm An | Bình | 14/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 030013 | Nguyễn Nam | Cường | 13/11/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 14 | 030014 | Nguyễn Phương | Chi | 18/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 030015 | Chẩm Hồng | Diệp | 15/11/2010 | 8 | THCS Thống Nhất | |
| 16 | 030016 | Nguyễn Thùy | Dung | 19/09/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 17 | 030017 | Phùng Minh | Dũng | 08/12/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 18 | 030018 | Hoàng Bảo | Dương | 26/07/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 19 | 030019 | Nguyễn Hải | Dương | 02/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 030020 | Nguyễn Hải Bạch | Dương | 21/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 21 | 030021 | Vũ Tùng | Dương | 12/11/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 22 | 030022 | Bùi Tiến | Đạt | 17/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 030023 | Lê Quốc | Đạt | 15/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 030024 | Trần Hải | Đăng | 02/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: VẬT LÍ

Phòng thi 10

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 030025 | Vũ Hải | Đăng | 26/09/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 2 | 030026 | Nguyễn Bá | Đông | 24/12/2009 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 3 | 030027 | Dương Anh | Đức | 07/05/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 4 | 030028 | Lê Anh | Đức | 26/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 030029 | Lê Anh | Đức | 11/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 030030 | Nguyễn Trọng | Đức | 04/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm | |
| 7 | 030031 | Vũ Minh | Đức | 04/05/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 8 | 030032 | Đoàn Thu | Hà | 06/01/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 9 | 030033 | Nguyễn Phúc | Hải | 25/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 030034 | Đinh Khánh | Hiếu | 07/01/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 11 | 030035 | Phạm Đức | Hòa | 21/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 030036 | Đỗ Lê | Hoàng | 16/09/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 13 | 030037 | Nguyễn Tất Minh | Hoàng | 23/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 030038 | Trần Huy | Hoàng | 03/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 15 | 030039 | Ngô Mạnh | Hùng | 14/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 16 | 030040 | Bùi Quốc | Huy | 01/05/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 17 | 030041 | Đinh Tiến | Hưng | 09/05/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 18 | 030042 | Trần An | Hưng | 31/03/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 030043 | Vũ Trần Phúc | Hưng | 04/05/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 030044 | Phạm Thị Thu | Hương | 08/06/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 21 | 030045 | Trần Vũ Thanh | Hương | 27/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 22 | 030046 | Chu Duy | Khánh | 09/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 030047 | Mai Quang | Khánh | 13/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 030048 | Phạm Minh | Khánh | 05/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: VẬT LÍ

Phòng thi 11

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 030049 | Trần Đình | Khánh | 18/04/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 2 | 030050 | Lê Đăng | Khoa | 31/03/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 3 | 030051 | Trần Anh | Khoa | 28/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 030052 | Đặng Quyền | Lâm | 22/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 030053 | Đỗ Tuấn | Lâm | 14/03/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 030054 | Đỗ Tùng | Lâm | 14/03/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 030055 | Nguyễn Tùng | Lâm | 12/01/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 8 | 030056 | Nguyễn Thanh | Lâm | 12/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 9 | 030057 | Trần Bảo | Linh | 23/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 10 | 030058 | Phạm Ngọc | Lương | 09/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 030059 | Đỗ Đức | Mạnh | 24/08/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 12 | 030060 | Hoàng Nhật | Minh | 06/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 13 | 030061 | Nguyễn Gia | Minh | 21/06/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 14 | 030062 | Trần Gia | Minh | 12/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 030063 | Nguyễn Huy | Nam | 30/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 030064 | Phạm Minh Hoàng | Nam | 19/09/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 17 | 030065 | Trần Phương | Nga | 10/09/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 18 | 030066 | Nguyễn Bảo | Ngọc | 02/10/2009 | 9 | THCS Đầm Hà | |
| 19 | 030067 | Bùi Thảo | Nguyên | 19/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 030068 | Lê Thảo | Nguyên | 30/06/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 030069 | Vũ Văn | Nhân | 21/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 030070 | Vũ Văn | Nhân | 21/11/2024 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 030071 | Đào Yến | Nhi | 06/07/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Tiên Yên | |
| 24 | 030072 | Hoàng Thiện | Phong | 04/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: VẬT LÍ

Phòng thi 12

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 030073 | Đỗ Huy | Phú | 30/11/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 2 | 030074 | Phan Minh | Phương | 08/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 030075 | Dương Hữu | Quân | 26/10/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 4 | 030076 | Nguyễn Minh | Quân | 11/01/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 5 | 030077 | Phạm Hồng | Quân | 18/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 030078 | Hoàng Thế | Tâm | 19/07/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 7 | 030079 | Nguyễn Ngọc | Tiến | 10/07/2009 | 9 | THCS Xuân Sơn | |
| 8 | 030080 | Lê Khánh | Toàn | 13/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 030081 | Vũ Đức | Tú | 29/10/2009 | 9 | THCS Xuân Sơn | |
| 10 | 030082 | Nguyễn Anh | Tuấn | 17/10/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 11 | 030083 | Vũ Đức | Tuấn | 29/10/2009 | 9 | THCS Xuân Sơn | |
| 12 | 030084 | Nguyễn Sơn | Tùng | 09/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 030085 | Mạch Gia | Thành | 21/09/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 14 | 030086 | Vũ Văn | Thăng | 15/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 030087 | Nguyễn Đăng | Thắng | 09/01/2009 | 9 | THCS&THPT Đường Hoa Cương | |
| 16 | 030088 | Lê Quang | Thuận | 16/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 030089 | Nguyễn Hữu | Trọng | 10/07/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 18 | 030090 | Lê Thủy | Trúc | 22/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 19 | 030091 | Lê Xuân | Trường | 10/01/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 20 | 030092 | Nguyễn Mạnh | Trường | 31/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 030093 | Đặng Lê Hà | Vi | 01/03/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 22 | 030094 | Hồ Đức | Việt | 21/04/2024 | 8 | Thcs Nguyễn Đức Cảnh | |
| 23 | 030095 | Nguyễn Quang | Vinh | 08/05/2010 | 8 | THCS Xuân Sơn | |
| 24 | 030096 | Nguyễn Hải | Yến | 01/10/2009 | 9 | THCS Cẩm Sơn | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: HÓA HỌC

Phòng thi 13

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 040001 | Dương Hồng | Anh | 04/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 2 | 040002 | Dương Hồng | Anh | 16/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 3 | 040003 | Đỗ Duy | Anh | 28/07/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 4 | 040004 | Đỗ Mai | Anh | 17/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 5 | 040005 | Nghiêm Quỳnh | Anh | 01/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 6 | 040006 | Ngô Hà | Anh | 20/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 7 | 040007 | Nguyễn Dương Hoàng | Anh | 23/12/2009 | 9 | THCS Ka Long | |
| 8 | 040008 | Nguyễn Đình Nhật | Anh | 20/05/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 9 | 040009 | Phạm Minh | Anh | 25/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 040010 | Phan Ngọc Châu | Anh | 25/02/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 11 | 040011 | Trần Quỳnh | Anh | 20/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 040012 | Trần Vũ Huệ | Anh | 23/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 13 | 040013 | Vũ Đình | Anh | 10/02/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 14 | 040014 | Vũ Đức | Anh | 24/07/2010 | 8 | TH&THCS Bãi Cháy 2 | |
| 15 | 040015 | Vũ Hoàng | Anh | 24/07/2010 | 8 | TH&THCS Bãi Cháy 2 | |
| 16 | 040016 | Nguyễn Quốc | Ân | 26/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 040017 | Phạm Hoài | Băng | 03/11/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 18 | 040018 | Nguyễn Văn | Bình | 23/02/2010 | 8 | Thcs Mông Dương | |
| 19 | 040019 | Phạm Hoàng | Châu | 12/05/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Đầm Hà | |
| 20 | 040020 | Phan Ngọc Minh | Châu | 25/02/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 21 | 040021 | Nguyễn Khánh | Chi | 30/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 22 | 040022 | Trịnh Trần Thuỳ | Chi | 14/02/2009 | 9 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 23 | 040023 | Bùi Nguyễn Tiến | Dũng | 22/03/2009 | 9 | TH &THCS Minh Khai | |
| 24 | 040024 | Vũ Quang | Dũng | 19/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 25 | 040025 | Bùi Công | Duy | 13/01/2009 | 9 | THCS Đông Mai | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: HÓA HỌC

Phòng thi 14

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 040026 | Trần Đức | Duy | 20/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 040027 | Trần Khánh | Duy | 01/08/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 3 | 040028 | Đỗ Ánh | Dương | 22/10/2009 | 9 | THCS Cẩm Sơn | |
| 4 | 040029 | Đỗ Thiện Minh | Đăng | 25/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 5 | 040030 | Ngô Minh | Đăng | 14/06/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 6 | 040031 | Nguyễn Nhật | Đăng | 30/10/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 7 | 040032 | Bùi Đoàn Minh | Đức | 01/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 8 | 040033 | Nguyễn Trung | Đức | 21/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 040034 | Trương Mạnh | Đức | 15/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 10 | 040035 | Phạm Vũ Nhật | Hà | 19/07/2009 | 9 | THCS Suối Khoáng | |
| 11 | 040036 | Trịnh Thu | Hà | 19/10/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 12 | 040037 | Nguyễn Viết | Hải | 06/11/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 13 | 040038 | Nguyễn Duyên | Hiền | 15/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 14 | 040039 | Nguyễn Duy | Hiếu | 02/05/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 15 | 040040 | Nguyễn Trí | Hiếu | 13/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 040041 | Nhâm Ngọc | Hiếu | 06/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 17 | 040042 | Phạm Quang | Hoàn | 11/04/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 18 | 040043 | Nguyễn Huy | Hoàng | 23/01/2009 | 9 | THCS Đông Mai | |
| 19 | 040044 | Đào Phạm | Hùng | 31/07/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 20 | 040045 | Đinh Gia | Huy | 10/06/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 21 | 040046 | Nguyễn Đức | Huy | 18/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 040047 | Trịnh Gia | Huy | 13/01/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 23 | 040048 | Lê Thị Thanh | Huyền | 02/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 040049 | Đỗ Xuân | Hưng | 08/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 25 | 040050 | Ngô Duy | Hưng | 21/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: HÓA HỌC

Phòng thi 15

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 040051 | Phạm Gia | Hưng | 18/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 040052 | Vũ Thị Mai | Hương | 30/11/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 3 | 040053 | Trần Tuấn | Kiệt | 07/09/2009 | 9 | THCS Mạo Khê | |
| 4 | 040054 | Lê Nguyên | Khang | 02/10/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 5 | 040055 | Đinh Nam | Khánh | 21/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 6 | 040056 | Đặng Huy | Khiêm | 04/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 040057 | Trần Anh | Khoa | 10/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 040058 | Bùi Anh | Khôi | 20/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 9 | 040059 | Nguyễn Anh | Khôi | 25/02/2010 | 8 | THCS Quang Hanh | |
| 10 | 040060 | Nguyễn Vũ Nguyên | Khôi | 17/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 040061 | Phạm Đình Duy | Khôi | 13/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 040062 | Dương Hoàng | Lâm | 04/12/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 13 | 040063 | Lương Đức | Lâm | 02/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 040064 | Nguyễn Tùng | Lâm | 15/09/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 15 | 040065 | Lê Quang | Liêm | 11/08/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 16 | 040066 | Bùi Phương | Linh | 21/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 040067 | Dương Khánh | Linh | 27/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 040068 | Hoàng Ngọc | Linh | 27/10/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 19 | 040069 | Nguyễn Phương | Linh | 15/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 040070 | Trịnh Thị Khánh | Ly | 15/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 21 | 040071 | Hoàng Thanh | Mai | 20/12/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 22 | 040072 | Bùi Bình | Minh | 22/02/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 23 | 040073 | Bùi Đoàn Ngọc | Minh | 14/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn | |
| 24 | 040074 | Đào Ngọc | Minh | 09/04/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 25 | 040075 | Đỗ Triệu | Minh | 31/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: HÓA HỌC

Phòng thi 16

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 040076 | Hà Thành | Minh | 13/10/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 2 | 040077 | Lê Quang | Minh | 25/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 040078 | Nguyễn Đức | Minh | 12/11/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 4 | 040079 | Nguyễn Hữu Đỗ | Minh | 08/11/2009 | 9 | THCS Lương Khánh Thiện, KA, HP | |
| 5 | 040080 | Trần Nhật | Minh | 02/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 6 | 040081 | Hoàng Hà | My | 27/10/2009 | 9 | THCS THỊ TRẤN ĐẦM HÀ | |
| 7 | 040082 | Nguyễn Trà | My | 01/08/2009 | 9 | THCS Trà Cổ | |
| 8 | 040083 | Đào Hải | Nam | 09/06/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 9 | 040084 | Đinh Đức | Nam | 12/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 040085 | Vy Hà | Ngân | 22/05/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 11 | 040086 | Lê Trung | Nghĩa | 09/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 040087 | Nguyễn Minh | Ngọc | 04/11/2010 | 8 | THCS Kim Đồng | |
| 13 | 040088 | Nguyễn Phương | Ngọc | 11/01/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 14 | 040089 | Nguyễn Yến | Nhi | 05/01/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 15 | 040090 | Lô Quỳnh | Như | 23/07/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 16 | 040091 | Nguyễn Hữu Bảo | Phát | 02/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 17 | 040092 | Hoàng Gia | Phúc | 22/04/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 18 | 040093 | Vũ Văn | Phúc | 04/03/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 19 | 040094 | Nguyễn Ngọc | Phương | 29/09/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 20 | 040095 | Nguyễn Hồng | Quân | 09/01/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 21 | 040096 | Trần Minh | Quân | 29/11/2009 | 9 | THCS Hà Trung | |
| 22 | 040097 | Bùi Minh | Quý | 12/12/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 23 | 040098 | Lê Minh | Quyết | 14/07/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 24 | 040099 | Ngô Hà Diễm | Quỳnh | 24/09/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: HÓA HỌC

Phòng thi 17

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 040100 | Đỗ Triệu | Sơn | 06/08/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 2 | 040101 | Nguyễn Hoàng | Sơn | 19/11/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 3 | 040102 | Trần Khánh | Toàn | 18/01/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 4 | 040103 | Bùi Thanh | Tú | 17/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 040104 | Đàm Tuấn | Tú | 21/11/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 6 | 040105 | Hoàng Anh | Tú | 21/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 040106 | Phạm Vũ Minh | Tuấn | 15/01/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 8 | 040107 | Dương An | Tuệ | 03/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 040108 | Bùi Đức | Tùng | 18/08/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 10 | 040109 | Nguyễn Quang | Thái | 01/10/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 11 | 040110 | Trần Nguyễn Danh | Thái | 29/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 12 | 040111 | Đặng Việt | Thanh | 27/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 13 | 040112 | Nguyễn Hà | Thanh | 19/06/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 14 | 040113 | Cao Đức | Thành | 26/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 15 | 040114 | Trần Hà | Thành | 21/01/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 16 | 040115 | Đặng Phương | Thảo | 03/03/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 17 | 040116 | Lâm Quốc | Thắng | 20/03/2009 | 9 | THCS Hải Hòa | |
| 18 | 040117 | Hoàng Thu | Thủy | 16/09/2010 | 8 | THCS Trới | |
| 19 | 040118 | Lê Phần Bích | Thủy | 05/03/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 040119 | Đàm Nguyễn Hà | Thư | 20/04/2009 | 9 | THCS Suối Khoáng | |
| 21 | 040120 | Nguyễn Thùy | Trang | 04/02/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 22 | 040121 | Trần Thị Thu | Trang | 26/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 040122 | Nguyễn Xuân | Trường | 31/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 040123 | Nguyễn Thị Cẩm | Vân | 01/01/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 25 | 040124 | Lương Nguyễn Hà | Linh | 25/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: SINH HỌC

Phòng thi 18

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 050001 | Phan Bá Hà | An | 11/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 050002 | Lã Diệp | Anh | 09/10/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 3 | 050003 | Nguyễn Ngọc | Anh | 22/07/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 4 | 050004 | Nguyễn Phạm Quỳnh | Anh | 11/03/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 5 | 050005 | Phạm Hiền | Anh | 08/02/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 6 | 050006 | Trần Minh | Anh | 16/05/2010 | 8 | THCS Trưng Vương | |
| 7 | 050007 | Phạm Hà Ngọc | Ánh | 30/07/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 8 | 050008 | Trần Gia | Bảo | 08/03/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 9 | 050009 | Nguyễn Mạnh | Cường | 09/10/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 10 | 050010 | Đặng Minh | Châu | 22/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 11 | 050011 | Phạm Nguyễn Minh | Châu | 20/01/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 12 | 050012 | Đồng Khánh | Chi | 29/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 13 | 050013 | Nguyễn Thảo | Chi | 01/08/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 14 | 050014 | Nguyễn Thị Vân | Chi | 12/01/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 15 | 050015 | Ngô Hoàng | Diệp | 08/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 050016 | Nguyễn Lê Thùy | Dương | 23/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 17 | 050017 | Vũ Thị Ánh | Dương | 26/09/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 18 | 050018 | Trần Hoàng | Đạt | 19/04/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 19 | 050019 | Bùi Minh | Đức | 23/07/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 050020 | Tiêu Minh | Đức | 02/12/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 21 | 050021 | Lương Minh | Hà | 17/06/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 050022 | Nguyễn Ngọc | Hà | 13/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 050023 | Nguyễn Thị Minh | Hà | 10/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 050024 | Thái Thanh | Hà | 27/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 25 | 050025 | Vũ Diệu | Hạnh | 18/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 050026 | Mai Ánh | Hằng | 24/02/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: SINH HỌC
Phòng thi 19

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 050027 | Phạm Trung | Hiếu | 06/03/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 2 | 050028 | Vũ Thị Thu | Hoài | 17/08/2009 | 9 | THCS Hiệp Hòa | |
| 3 | 050029 | Phạm Quang | Huy | 11/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 050030 | Phạm Quang | Huy | 16/11/2009 | 9 | THCS Lý Thường Kiệt | |
| 5 | 050031 | Trần Khánh | Huyền | 01/08/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 6 | 050032 | Lê Thị Quỳnh | Hương | 17/07/2009 | 9 | THCS Phong Cốc | |
| 7 | 050033 | Nguyễn Quỳnh | Hương | 14/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 050034 | Lương Quốc | Khánh | 02/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 050035 | Nguyễn Bảo | Lan | 05/01/2009 | 9 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 10 | 050036 | Đỗ Hà | Linh | 16/12/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 11 | 050037 | Lê Hà | Linh | 04/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 050038 | Nguyễn Hải | Linh | 08/02/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 13 | 050039 | Nguyễn Lê Hà | Linh | 06/06/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 14 | 050040 | Phạm Bảo | Linh | 06/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 050041 | Phan Thị Khánh | Linh | 01/01/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 16 | 050042 | Trần Nguyễn Hiền | Linh | 08/02/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 17 | 050043 | Vũ Thái Thuỳ | Linh | 24/08/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 18 | 050044 | Nguyễn Quốc Gia | Long | 02/04/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 19 | 050045 | Vũ Bảo | Long | 11/07/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 20 | 050046 | Lê Xuân Hoàng | Mai | 17/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 21 | 050047 | Đoàn Tiến | Mạnh | 04/01/2009 | 9 | THCS Hiệp Hòa | |
| 22 | 050048 | Vi Hoàng | Mạnh | 05/06/2010 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 23 | 050049 | Nguyễn Tiến | Minh | 03/04/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 24 | 050050 | Vũ Quang | Minh | 23/08/2010 | 8 | THCS Kim Đồng | |
| 25 | 050051 | Phạm Trần Hải | Ninh | 02/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: SINH HỌC

Phòng thi 20

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 050052 | Nguyễn Trịnh Bảo | Ngân | 15/11/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 2 | 050053 | Trần Bảo | Ngọc | 08/03/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 3 | 050054 | Phạm Khánh | Nguyên | 05/03/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 4 | 050055 | Phạm Ngọc Gia | Như | 23/05/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 5 | 050056 | Lê Hồng | Phúc | 22/08/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 6 | 050057 | Nguyễn Hoàng Mai | Phương | 02/08/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 7 | 050058 | Nguyễn Mai | Phương | 18/01/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 8 | 050059 | Trần Hà | Phương | 25/04/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 9 | 050060 | Nguyễn Tấn | Sang | 09/01/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 10 | 050061 | Tạ Đức | Sơn | 05/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 11 | 050062 | Hoàng Minh | Tuấn | 28/12/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 12 | 050063 | Phạm Anh | Thái | 23/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 050064 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy | 04/02/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 14 | 050065 | Đinh Thị Thu | Trang | 21/11/2009 | 9 | THCS Hiệp Hòa | |
| 15 | 050066 | Nguyễn Thị Thu | Trang | 24/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 050067 | Nguyễn Quốc | Triệu | 27/10/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 17 | 050068 | Nguyễn Quốc | Triệu | 27/10/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 18 | 050069 | Trần Lý | Trọng | 26/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 050070 | Vũ Hoàng | Trung | 10/07/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 20 | 050071 | Vũ Thành | Trung | 02/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 050072 | Vũ Thế | Trung | 16/05/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 22 | 050073 | Nguyễn Thái | Vinh | 29/10/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 23 | 050074 | Nguyễn Hoàng | Vũ | 23/01/2009 | 9 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 24 | 050075 | Nguyễn Huy | Vũ | 10/12/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 25 | 050076 | Khương Tường | Vy | 04/12/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 21

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060001 | Đặng Diệu | An | 03/03/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 2 | 060002 | Hà Khánh | An | 18/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 060003 | Nguyễn Thu | An | 14/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 060004 | Vũ Thị Khánh | An | 12/09/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 5 | 060005 | Châu Quỳnh | Anh | 14/04/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 6 | 060006 | Đỗ Ngọc | Anh | 17/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 060007 | Hoàng Phương | Anh | 21/04/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 8 | 060008 | Lê Bảo | Anh | 16/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 060009 | Lê Quỳnh | Anh | 26/07/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 10 | 060010 | Ngô Hà Châu | Anh | 03/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 11 | 060011 | Nguyễn Cao Bảo | Anh | 17/11/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 12 | 060012 | Nguyễn Hà | Anh | 06/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 060013 | Nguyễn Minh | Anh | 11/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 060014 | Nguyễn Ngọc | Anh | 13/07/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 15 | 060015 | Nguyễn Ngọc | Anh | 01/10/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 16 | 060016 | Nguyễn Thị Diệp | Anh | 08/11/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 17 | 060017 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 26/10/2009 | 9 | THCS Trà Cổ | |
| 18 | 060018 | Nguyễn Thị Quỳnh | Anh | 24/04/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 19 | 060019 | Nguyễn Trần Vân | Anh | 18/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 060020 | Tạ Thúy | Anh | 26/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 060021 | Trần Hoàng Tú | Anh | 03/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 060022 | Trần Mai | Anh | 16/02/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 23 | 060023 | Đinh Thị Bảo | Châu | 01/11/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 24 | 060024 | Nguyễn Thị Ngọc | Châu | 19/07/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 25 | 060025 | Vũ Bảo | Châu | 07/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 060026 | Bùi Thị Hồng | Chi | 12/02/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 22

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060027 | Đào Quỳnh | Chi | 12/01/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 2 | 060028 | Hoàng Hà | Chi | 31/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 3 | 060029 | Nguyễn Diệp | Chi | 21/12/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 4 | 060030 | Nguyễn Khánh | Chi | 23/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 060031 | Nguyễn Linh | Chi | 19/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 060032 | Nguyễn Phương | Chi | 11/11/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 7 | 060033 | Nguyễn Quỳnh | Chi | 02/11/2009 | 9 | Thcs Minh Thành | |
| 8 | 060034 | Nguyễn Uyên | Chi | 29/04/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 9 | 060035 | Phạm Khánh | Chi | 06/01/2010 | 8 | Thcs Bãi Cháy | |
| 10 | 060036 | Trần Uyển | Chi | 05/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 060037 | Vũ Uyên | Chi | 19/05/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 12 | 060038 | Hoàng Hà | Chu | 31/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 13 | 060039 | Trần Thị Thanh | Chúc | 21/06/2009 | 9 | TH &THCS Hoàng Tân | |
| 14 | 060040 | Nguyễn Đỗ Ngọc | Diệp | 18/08/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 15 | 060041 | Phạm Ngọc | Diệp | 01/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 060042 | Nguyễn Huyền | Diệu | 23/04/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Ba Chẽ | |
| 17 | 060043 | Trần Thị Mỹ | Duyên | 21/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 060044 | Đào Khánh | Dương | 18/09/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 19 | 060045 | Ngô Thùy | Dương | 23/01/2024 | 9 | THCS Nguyễn Văn Thuộc | |
| 20 | 060046 | Ngô Linh | Đan | 16/09/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 21 | 060047 | Vũ Phương | Đan | 09/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 22 | 060048 | Hoàng Quý | Đức | 04/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 060049 | Hà Thùy | Giang | 28/03/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 24 | 060050 | Nguyễn Hương | Giang | 05/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 25 | 060051 | Trịnh Hà | Giang | 23/11/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 26 | 060052 | Lê Hoàng | Hà | 08/08/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 23

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060053 | Nguyễn Ngọc | Hà | 22/04/2009 | 9 | THCS Quang Hanh | |
| 2 | 060054 | Nguyễn Thị Ngọc | Hà | 17/10/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 3 | 060055 | Nguyễn Thu | Hà | 08/04/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 4 | 060056 | Phạm Ngọc | Hà | 03/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 060057 | Phạm Thu | Hà | 10/08/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 6 | 060058 | Phan Ngọc | Hà | 12/11/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 7 | 060059 | Trần Mai | Hà | 24/06/2010 | 8 | THCS Trới | |
| 8 | 060060 | Trương Nhật | Hà | 03/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 9 | 060061 | Vũ Thái | Hà | 21/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 060062 | Đỗ Thanh | Hằng | 28/05/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 060063 | Phạm Mỹ | Hằng | 24/01/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 12 | 060064 | Chu Gia | Hân | 26/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 060065 | Đỗ Gia | Hân | 28/05/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 14 | 060066 | Lê Gia | Hân | 16/07/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 15 | 060067 | Nguyễn Bảo | Hân | 03/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 16 | 060068 | Phạm Gia | Hân | 20/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 060069 | Vũ Lê Gia | Hân | 17/10/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 18 | 060070 | Trần Duy | Hiệp | 03/02/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 19 | 060071 | Hoàng Đức Trung | Hiếu | 07/06/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 20 | 060072 | Hồ Thuý | Hoa | 31/12/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 21 | 060073 | Vi Đỗ Hồng | Hoan | 23/05/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 22 | 060074 | Trần Đình | Hoàn | 06/04/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 23 | 060075 | Đào Khánh | Hoàng | 28/12/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 24 | 060076 | Nguyễn Minh | Huệ | 10/01/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 25 | 060077 | Phạm Đức Anh | Huy | 12/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 26 | 060078 | Đinh Khánh | Huyền | 05/05/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 24

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060079 | Đinh Khánh | Huyền | 05/05/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 2 | 060080 | Hoàng Khánh | Huyền | 24/03/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 3 | 060081 | Hoàng Khánh | Huyền | 26/12/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 4 | 060082 | Nguyễn Bùi Diệu | Huyền | 15/11/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 5 | 060083 | Nguyễn Khánh | Huyền | 16/10/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 6 | 060084 | Nguyễn Ngọc Khánh | Huyền | 17/07/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Thuộc | |
| 7 | 060085 | Vũ Thị Khánh | Huyền | 17/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 8 | 060086 | Vũ Duy | Hưng | 12/05/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 9 | 060087 | Đinh Thanh | Hương | 08/01/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 10 | 060088 | Nguyễn Thu | Hường | 23/12/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 11 | 060089 | Vũ Tuấn | Kiệt | 02/01/2009 | 9 | THCS Trưng Vương | |
| 12 | 060090 | Nguyễn Ngọc Thiên | Kim | 02/02/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 13 | 060091 | Trần Phương | Khánh | 21/09/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 14 | 060092 | Nguyễn Minh | Khuê | 30/08/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 15 | 060093 | Nguyễn Phong | Lan | 26/10/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 16 | 060094 | Mai Tuệ | Lâm | 09/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 060095 | Trần Thanh | Lâm | 09/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 060096 | Bùi Hương | Liên | 06/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 19 | 060097 | Phạm Nguyễn Gia | Ling | 07/04/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 060098 | Đinh Khánh | Linh | 08/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 060099 | Đỗ Ánh | Linh | 19/06/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 22 | 060100 | Lê Hồng | Linh | 10/12/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 23 | 060101 | Lưu Gia | Linh | 22/09/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 24 | 060102 | Ngô Khánh | Linh | 29/10/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 25 | 060103 | Nguyễn Diệu Hoàng | Linh | 04/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 060104 | Nguyễn Phương | Linh | 26/12/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 25

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060105 | Nguyễn Phương | Linh | 23/02/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 2 | 060106 | Nguyễn Trang | Linh | 30/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 060107 | Nguyễn Trang | Linh | 29/06/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 4 | 060108 | Phạm Hà | Linh | 01/07/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 5 | 060109 | Tạ Khánh | Linh | 15/07/2009 | 9 | THCS Hải Đông | |
| 6 | 060110 | Trần Nguyễn Diệu | Linh | 13/09/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 7 | 060111 | Trần Thuỳ | Linh | 01/08/2010 | 8 | THCS Nam Hải | |
| 8 | 060112 | Trần Thị Khánh | Ly | 20/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 060113 | Vũ Khánh | Ly | 22/09/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 10 | 060114 | Hà Ngọc | Mai | 12/07/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 11 | 060115 | Hoàng Ngọc Phương | Mai | 25/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 060116 | Nguyễn Hoàng | Mai | 27/11/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 13 | 060117 | Trần Hoa | Mai | 06/05/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 14 | 060118 | Trương Thanh | Mai | 07/08/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 15 | 060119 | Vũ Anh | Minh | 01/09/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 16 | 060120 | Bùi Diễm | My | 14/06/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 17 | 060121 | Nguyễn Trà | My | 03/02/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 18 | 060122 | Nguyễn Thiện | Mỹ | 16/04/2009 | 9 | THCS Trưng Vương | |
| 19 | 060123 | Nguyễn Phạm Nhật | Ninh | 10/12/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 20 | 060124 | Nguyễn Thanh | Nga | 05/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 21 | 060125 | Phạm Khánh | Ngân | 02/01/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 22 | 060126 | Dương Bích | Ngọc | 02/02/2010 | 8 | THCS Đại Yên | |
| 23 | 060127 | Đoàn Khánh | Ngọc | 30/04/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 24 | 060128 | Nguyễn Thiên | Ngọc | 28/03/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 25 | 060129 | Tạ Minh | Ngọc | 01/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 060130 | Trần Thị Linh | Ngọc | 30/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 26

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060131 | Vũ Ánh | Ngọc | 28/01/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 2 | 060132 | Nguyễn Nguyệt Đan | Nhi | 17/03/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 060133 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 09/01/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 4 | 060134 | Nguyễn Tuyết | Nhuhg | 11/11/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 5 | 060135 | Phạm Hồng | Nhung | 20/07/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 6 | 060136 | Tống Thị Hồng | Nhung | 27/07/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 7 | 060137 | Vũ Mai | Nhung | 30/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 8 | 060138 | Bùi Hoàng Tâm | Như | 08/07/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 9 | 060139 | Nguyễn Hoàng | Phúc | 20/08/2020 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 060140 | Vũ Hoàng Ánh | Dương | 28/07/2010 | 8 | THCS | |
| 11 | 060141 | Đồng Hà | Phương | 29/05/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 12 | 060142 | Hoàng Mai | Phương | 16/10/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 13 | 060143 | Nguyễn Bảo | Phương | 11/03/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 14 | 060144 | Nguyễn Minh | Phương | 02/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 060145 | Nguyễn Thị Mai | Phương | 01/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 060146 | Phạm Mai | Phương | 28/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 060147 | Vũ Thị Minh | Phương | 25/07/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 18 | 060148 | Vũ Thu | Phương | 02/07/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 19 | 060149 | Nguyễn Thúy | Quỳnh | 27/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 060150 | Phạm Hương | Quỳnh | 07/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 21 | 060151 | Nguyễn Thanh | Tâm | 26/04/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 22 | 060152 | Đỗ Anh | Tuấn | 05/01/2010 | 8 | THCS Quang Hanh | |
| 23 | 060153 | Bùi Minh | Tuyết | 15/08/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 24 | 060154 | Hoàng Như | Thảo | 23/05/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 25 | 060155 | Lê Thanh | Thảo | 19/07/2010 | 8 | Thcs Hà Tu | |
| 26 | 060156 | Mai Phương | Thảo | 07/10/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: NGỮ VĂN

Phòng thi 27

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 060157 | Trần Thu | Thảo | 29/08/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 2 | 060158 | Võ Thu | Thảo | 21/11/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 3 | 060159 | Vũ Hà | Thu | 29/09/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 4 | 060160 | Bùi Thị Phương | Thuý | 13/01/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 5 | 060161 | Doãn Thị Minh | Thư | 08/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 060162 | Nguyễn Anh | Thư | 16/08/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 7 | 060163 | Nguyễn Minh | Thư | 21/01/2009 | 9 | THCS Cửa Ông | |
| 8 | 060164 | Phạm Thị Minh | Thư | 27/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 060165 | Nguyễn Mai | Trang | 21/02/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 10 | 060166 | Nguyễn Thị Thu | Trang | 19/06/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 11 | 060167 | Nguyễn Thùy | Trang | 01/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 12 | 060168 | Phạm Thị Thu | Trang | 05/04/2009 | 9 | THCS Đông Mai | |
| 13 | 060169 | Trần Thị Thu | Trang | 15/09/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 14 | 060170 | Nguyễn Bảo | Trâm | 10/03/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 15 | 060171 | Tường Ngọc | Trâm | 07/01/2010 | 8 | THCS Cửa Ông | |
| 16 | 060172 | Nguyễn Bảo | Uyên | 16/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 060173 | Nguyễn Thu | Uyên | 24/09/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 060174 | Phạm Đỗ | Uyên | 12/12/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 19 | 060175 | Ninh Thái | Uyển | 17/09/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 20 | 060176 | Lê Thanh | Vân | 09/05/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 21 | 060177 | Trần Ánh | Vy | 31/08/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 22 | 060178 | Lê Hoàng | Xuân | 19/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 23 | 060179 | Đặng Thị Hải | Yến | 10/11/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 24 | 060180 | Hoàng Hải | Yến | 18/12/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 25 | 060181 | Trần Bảo | Yến | 10/02/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 26 | 060182 | Trần Thanh | Vân | 03/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: LỊCH SỬ

Phòng thi 28

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 070001 | Lý An | An | 28/10/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 2 | 070002 | Trần Mai | An | 18/09/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 3 | 070003 | Đàm Minh | Anh | 22/05/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 4 | 070004 | Đoàn Phương | Anh | 09/01/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 5 | 070005 | Nguyễn Bảo | Anh | 16/10/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 6 | 070006 | Nguyễn Ngọc | Anh | 02/09/2009 | 9 | THCS Đầm Hà | |
| 7 | 070007 | Nguyễn Vũ Bảo | Anh | 24/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 8 | 070008 | Phạm Quỳnh | Anh | 22/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 070009 | Trần Đức | Anh | 03/01/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 10 | 070010 | Vũ Kim | Anh | 22/12/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 11 | 070011 | Vũ Việt | Anh | 05/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 070012 | Nguyễn Ngọc | Ánh | 04/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 070013 | Nguyễn Gia | Bách | 25/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 070014 | Phạm Công Gia | Bảo | 18/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 070015 | Tạ Minh | Châu | 12/01/2010 | 8 | TH &THCS Minh Khai | |
| 16 | 070016 | Bùi Huyền | Chi | 02/03/2009 | 9 | TH&THCS Hà Trung | |
| 17 | 070017 | Đặng Thùy | Chi | 23/04/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 18 | 070018 | Nguyễn Khúc Quỳnh | Chi | 30/09/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 19 | 070019 | Trương Ngọc | Dũng | 22/12/2009 | 9 | TH&THCS Minh Khai | |
| 20 | 070020 | Lê Trinh | Dư | 01/05/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 21 | 070021 | Nguyễn Ngọc Ánh | Dương | 02/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 22 | 070022 | Nguyễn Thuỳ | Dương | 15/07/2010 | 8 | THCS Thống Nhất | |
| 23 | 070023 | Trịnh Tiến | Đạt | 12/09/2008 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 24 | 070024 | Vũ Anh | Đức | 27/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: LỊCH SỬ

Phòng thi 29

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 070025 | Bùi Hương | Giang | 10/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 070026 | Lương Thị | Hà | 26/06/2010 | 8 | THCS Đầm Hà | |
| 3 | 070027 | Lương Thị Phương | Hà | 24/08/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 4 | 070028 | Trần Thị Thu | Hà | 01/10/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 5 | 070029 | Vũ Thị Kim | Hiền | 25/01/2009 | 9 | TH&THCS Đài Xuyên | |
| 6 | 070030 | Hà Minh | Hiếu | 27/05/2009 | 9 | TH&THCS Cộng Hòa | |
| 7 | 070031 | Phạm Như | Hoàng | 23/11/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 8 | 070032 | Vũ Thành | Hưng | 15/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 070033 | Đinh Thu | Hương | 18/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 070034 | Hoàng Nhuận | Khang | 24/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 070035 | Nguyễn Trần Thảo | Lâm | 06/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 070036 | Nguyễn Hoàng | Lân | 18/11/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 13 | 070037 | Nguyễn Gia | Linh | 04/02/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 14 | 070038 | Nguyễn Thị Phương | Linh | 06/04/2010 | 8 | THCS Đại Yên | |
| 15 | 070039 | Nguyễn Thuỳ | Linh | 21/07/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 16 | 070040 | Trần Phạm Phương | Linh | 03/04/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 17 | 070041 | Lê Trần Tuyết | Mai | 22/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 070042 | Nguyễn Lê Hoàng | Minh | 10/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 070043 | Nguyễn Ngọc Khánh | Minh | 21/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 070044 | Hà | My | 29/07/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 21 | 070045 | Nguyễn Vũ Thảo | My | 08/10/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 22 | 070046 | Lê Công | Nam | 14/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 070047 | Vũ Hà | Ninh | 31/07/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 24 | 070048 | Nguyễn Diệu | Ngân | 21/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: LỊCH SỬ

Phòng thi 30

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 070049 | Nguyễn Hà | Ngân | 04/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 2 | 070050 | Nguyễn Hải | Ngân | 05/04/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 3 | 070051 | Phương | Ngân | 27/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 070052 | Dương Vân | Ngọc | 02/08/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 5 | 070053 | Lê Minh | Ngọc | 22/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 070054 | Nguyễn Thị Như | Ngọc | 18/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 070055 | Trần Vũ Bảo | Ngọc | 22/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 070056 | Bùi Linh | Nhi | 23/09/2010 | 8 | THCS Mạo Khê L | |
| 9 | 070057 | Lê Ngọc | Nhi | 10/03/2009 | 9 | TH&THCS Hoàng Tân | |
| 10 | 070058 | Lê Ngọc | Nhi | 10/03/2009 | 9 | TH&THCS Hoàng Tân | |
| 11 | 070059 | Ninh Yến | Nhi | 20/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Thuộc | |
| 12 | 070060 | Nguyễn Bùi Thảo | Nhi | 29/04/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 13 | 070061 | Trần Hiền | Nhi | 15/05/2010 | 8 | THCS Nam Hải | |
| 14 | 070062 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 11/02/2009 | 9 | THCS Quảng An | |
| 15 | 070063 | Pham Trang | Nhung | 04/01/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 16 | 070064 | Phạm Trang | Nhung | 04/01/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 17 | 070065 | Bùi Quỳnh | Như | 03/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 070066 | Nguyễn Tuấn | Phong | 27/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 070067 | Dương Mai | Phương | 15/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 070068 | Nguyễn Tuệ | Phương | 11/12/2009 | 9 | THCS Ka Long | |
| 21 | 070069 | Lê Đăng | Quang | 04/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 070070 | Đinh Tú | Quỳnh | 27/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 070071 | Nguyễn Ngọc Thủy | Tiên | 21/07/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |

*Danh sách này gồm 23 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: LỊCH SỬ

Phòng thi 31

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 070072 | Triệu Minh | Tiến | 15/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 070073 | Nguyễn Thế | Toàn | 04/07/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 3 | 070074 | Bùi Anh | Tùng | 02/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 070075 | Lỷ Thanh | Tuyền | 21/11/2009 | 9 | THCS Quảng An | |
| 5 | 070076 | Đỗ Phương | Thảo | 03/05/2009 | 9 | TH&THCS Hà Trung | |
| 6 | 070077 | Phạm Thanh | Thảo | 29/03/2024 | 9 | THCS Tiền An | |
| 7 | 070078 | Mai Thu | Thùy | 17/01/2009 | 9 | TH&THCS Minh Khai | |
| 8 | 070079 | Đỗ Anh | Thư | 29/04/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 9 | 070080 | Phạm Anh | Thư | 18/01/2009 | 9 | THCS Đông Xá | |
| 10 | 070081 | Nguyễn Thanh | Trà | 13/10/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 11 | 070082 | Phạm Thị Hương | Trà | 12/03/2009 | 9 | TH&THCS Hà Trung | |
| 12 | 070083 | Lê Thị Mai | Trang | 30/09/2009 | 9 | THCS Phong Cốc | |
| 13 | 070084 | Nguyễn Hạ Minh | Trang | 13/05/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 14 | 070085 | Phùng Ngân | Trang | 08/12/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 15 | 070086 | Hoàng Thị | Trầm | 28/08/2009 | 9 | THCS Đầm Hà | |
| 16 | 070087 | TRẦN MINH | TRÍ | 26/11/2009 | 9 | THCS LÝ TỰ TRỌNG | |
| 17 | 070088 | Phạm Nguyễn Tố | Uyên | 02/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 070089 | Phạm Hoàng Quốc | Việt | 12/05/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 19 | 070090 | Vũ Đào Ngọc | Vinh | 12/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 070091 | Hoàng | Vũ | 03/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 070092 | Nguyễn Thị Thanh | Vũ | 07/12/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 22 | 070093 | Nguyễn Hà | Vy | 04/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 070094 | Vũ Hải | Yến | 26/10/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 24 | 070095 | Đỗ Trịnh Đăng | Quang | 03/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 24 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: ĐỊA LÍ

Phòng thi 32

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 080001 | Đinh Xuân | An | 14/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 080002 | Bùi Thị Phương | Anh | 15/01/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 3 | 080003 | Đào Minh | Anh | 28/07/2009 | 9 | THCS Đông Xá | |
| 4 | 080004 | Hoàng Hải | Anh | 12/07/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 5 | 080005 | Hoàng Ngọc | Anh | 12/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 080006 | Thái Anh | Đức | 04/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 080007 | Lê Ngọc | Anh | 26/11/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 8 | 080008 | Lê Quỳnh | Anh | 10/09/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 9 | 080009 | Lưu Vũ Quỳnh | Anh | 28/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 080010 | Phạm Gia | Linh | 05/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 080011 | Nguyễn Duy | Anh | 27/07/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 12 | 080012 | Nguyễn Thị Minh | Anh | 12/02/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 13 | 080013 | Phạm Trâm | Anh | 09/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 080014 | Vũ Trâm | Anh | 04/07/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 15 | 080015 | Hồ Phạm Băng | Băng | 20/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 16 | 080016 | Đỗ Hải | Biên | 16/02/2009 | 9 | TH&THCS Minh Khai | |
| 17 | 080017 | Nguyễn Linh | Chi | 27/06/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 18 | 080018 | Nguyễn Quỳnh | Chi | 29/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 080019 | Ngô Mỹ | Duyên | 17/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 080020 | Phạm Thái | Dương | 06/09/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 21 | 080021 | Vũ Thùy | Dương | 01/07/2009 | 9 | THCS Hiệp Hòa | |
| 22 | 080022 | Trương Tiến | Đạt | 23/05/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 23 | 080023 | Bùi Huy | Đức | 01/08/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 24 | 080024 | Đỗ Anh | Đức | 26/02/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 25 | 080025 | Vi Minh | Đức | 01/03/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Ba Chẽ | |
| 26 | 080026 | Nguyễn Thanh | Hà | 15/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 27 | 080027 | Đinh Thị Hồng | Hạnh | 02/01/2009 | 9 | THCS Đầm Hà | |
| 28 | 080028 | Phạm Phương | Hằng | 29/01/2010 | 8 | THCS Trần Hưng Đạo | |

*Danh sách này gồm 28 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: ĐỊA LÍ

Phòng thi 33

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 080029 | Phạm Thị | Hằng | 15/02/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 2 | 080030 | Đoàn Minh | Hiếu | 15/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 3 | 080031 | Bùi Đức | Hoà | 09/11/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 4 | 080032 | Hoàng Thị Thu | Hòa | 19/10/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 5 | 080033 | Nguyễn Huy | Hoàng | 04/09/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Tây | |
| 6 | 080034 | Nguyễn Thế | Hoàng | 29/06/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 7 | 080035 | Đoàn Nguyễn Thành | Huy | 20/04/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 8 | 080036 | Nguyễn Gia | Huy | 05/09/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 9 | 080037 | Bùi Minh | Huyền | 09/02/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 10 | 080038 | Nguyễn Lâm Gia | Khánh | 16/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 080039 | Nguyễn Ngọc | Lan | 18/02/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Đông | |
| 12 | 080040 | Nguyễn Thị Thuỳ | Lâm | 01/03/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 13 | 080041 | Đinh Ngọc | Liên | 11/07/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 14 | 080042 | Đoàn Thuỳ | Linh | 02/02/2009 | 9 | THCS Cẩm Sơn | |
| 15 | 080043 | Ngô Diệu | Linh | 18/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 080044 | Nguyễn Hà | Linh | 30/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 080045 | Vũ Thuỳ | Linh | 26/02/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 18 | 080046 | Vũ Thị Hương | Lý | 19/01/2010 | 8 | THCS Thống Nhất | |
| 19 | 080047 | Bùi Ngọc | Minh | 22/09/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 080048 | Bùi Hà | My | 19/10/2010 | 8 | Thcs Trần Hưng Đạo | |
| 21 | 080049 | Đinh Vũ Hà | My | 15/06/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 22 | 080050 | Lê Vũ Trà | My | 15/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 23 | 080051 | Nguyễn Trà | My | 21/03/2010 | 8 | THCS Thống Nhất | |
| 24 | 080052 | Nguyễn Bảo | Nam | 07/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | |
| 25 | 080053 | Hà Phương | Ngân | 02/11/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 26 | 080054 | Hoàng Yến | Ngọc | 13/03/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 27 | 080055 | Lê Khánh | Ngọc | 10/05/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 28 | 080056 | Nguyễn Khánh | Ngọc | 24/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 28 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: ĐỊA LÍ

Phòng thi 34

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 080057 | Phạm Nguyễn Minh | Ngọc | 04/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 2 | 080058 | Nguyễn Thảo | Nguyên | 7/28/0010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 080059 | Bùi Yến | Nhi | 30/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 080060 | Lò Bảo | Nhi | 12/12/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 5 | 080061 | Văn Thị Yến | Nhi | 18/02/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 6 | 080062 | Nguyễn Phạm Gia | Như | 28/05/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 7 | 080063 | Vũ Kim | Oanh | 21/03/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 8 | 080064 | Đinh Hoàng | Phát | 22/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 9 | 080065 | Nguyễn Tấn | Phát | 04/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 10 | 080066 | Nguyễn Tuấn | Phong | 02/11/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 11 | 080067 | Nguyễn Sỹ | Phúc | 06/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 080068 | Vũ Thảo | Phương | 27/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 080069 | Trần Việt | Quang | 06/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 080070 | Đàm Thị | Quyên | 23/08/2009 | 9 | THCS&THPT Quảng La | |
| 15 | 080071 | Hoàng Khánh | Toàn | 01/04/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 16 | 080072 | Nguyễn Dương | Tú | 08/12/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 17 | 080073 | Trần Minh | Tuấn | 06/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 080074 | Lê Nguyễn Phương | Thảo | 04/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 080075 | Bùi Minh | Thư | 07/07/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 20 | 080076 | Hoàng Khánh | Trang | 08/05/2009 | 9 | THCS Cẩm Sơn | |
| 21 | 080077 | Nguyễn Huyền | Trang | 02/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 22 | 080078 | Vũ Đức Hiền | Trân | 18/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 080079 | Nguyễn Phương | Uyên | 10/02/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 080080 | Nguyễn Thị Thảo | Vi | 25/08/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 25 | 080081 | Nguyễn Ngọc | Việt | 29/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 080082 | Nguyễn Ngọc | Yến | 26/12/2010 | 8 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 27 | 080083 | Vũ Thị Hải | Yến | 06/12/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 28 | 080084 | Giáp Trung | Kiên | 27/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 28 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 35

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090001 | Đặng Nguyễn Tâm | An | 27/07/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 2 | 090002 | Ngô Hải | An | 29/10/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 3 | 090003 | Ngô Minh | An | 17/04/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 4 | 090004 | Nguyễn Thành | An | 06/04/2010 | 8 | Thcs Cao Thắng | |
| 5 | 090005 | Phạm An | An | 14/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 6 | 090006 | Phạm Đức | An | 05/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090007 | Trần Nguyễn Minh | An | 03/12/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 8 | 090008 | Đỗ Thị Diệu | An. | 23/06/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 9 | 090009 | Biện Phương | Anh | 27/06/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 090010 | Bùi Quỳnh | Anh | 02/02/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 11 | 090011 | Bùi Vũ Minh | Anh | 24/05/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 12 | 090012 | Dương Hồng | Anh | 30/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 13 | 090013 | Dương Quỳnh | Anh | 02/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090014 | Đào Phương | Anh | 07/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 090015 | Đinh Hoàng | Anh | 15/08/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 16 | 090016 | Đinh Phương | Anh | 24/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 090017 | Đinh Tùng | Anh | 17/06/2010 | 8 | THCS Trần Hưng Đạo | |
| 18 | 090018 | Hoàng Hiền | Anh | 05/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 19 | 090019 | Lê Phương | Anh | 22/10/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 20 | 090020 | Lê Thị Vân | Anh | 16/09/2010 | 8 | Thcs Cẩm Thành | |
| 21 | 090021 | Lương Lan | Anh | 18/01/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 22 | 090022 | Lưu Hoàng Bảo | Anh | 10/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 090023 | Lưu Tuệ | Anh | 20/03/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 24 | 090024 | Lý Duy | Anh | 13/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 25 | 090025 | Nghiêm Minh | Anh | 21/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 26 | 090026 | Ngô Huyền | Anh | 30/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 26 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 36

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090027 | Nguyễn Hà Nhật | Anh | 16/08/2009 | 9 | TH&THCS Minh Khai | |
| 2 | 090028 | Nguyễn Huyền | Anh | 27/09/2010 | 8 | Thcs Bãi Cháy | |
| 3 | 090029 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh | 11/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 4 | 090030 | Nguyễn Phạm Mỹ | Anh | 20/12/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 5 | 090031 | Nguyễn Thị Hải | Anh | 11/06/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 6 | 090032 | Nguyễn Thị Tú | Anh | 12/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090033 | Nguyễn Thục | Anh | 30/12/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 8 | 090034 | Nguyễn Trần Bảo | Anh | 08/09/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 9 | 090035 | Nguyễn Vi Minh | Anh | 22/06/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Đầm Hà | |
| 10 | 090036 | Phạm Nguyễn Khôi | Anh | 23/06/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 090037 | Phạm Quỳnh | Anh | 19/07/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 090038 | Phạm Tú | Anh | 02/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 090039 | Tạ Lê Hiền | Anh | 10/03/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 14 | 090040 | Trần Mai | Anh | 23/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 090041 | Trần Thị Trâm | Anh | 11/07/2009 | 9 | THCS Việt Hưng | |
| 16 | 090042 | Trương Đức | Anh | 28/08/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 17 | 090043 | Trương Tuấn | Anh | 06/09/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 18 | 090044 | Vũ Diệu | Anh | 25/03/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 19 | 090045 | Vũ Ngọc | Anh | 10/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090046 | Vũ Tuệ | Anh | 29/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 090047 | Phạm Thùy | Anh | 12/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090048 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 11/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 23 | 090049 | Nguyễn Việt | Bách | 08/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 090050 | Phan Quốc Gia | Bách | 31/05/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 25 | 090051 | Tạ Công | Bách | 26/07/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 37

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090052 | Hà Vũ Ngọc | Bảo | 20/07/2010 | 8 | THCS Kim Đồng | |
| 2 | 090053 | Ngô Gia | Bảo | 25/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 090054 | Nguyễn Gia | Bảo | 31/07/2010 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 4 | 090055 | Nguyễn Phi | Cơ | 04/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 5 | 090056 | Chu Đình | Cường | 23/11/2009 | 9 | THCS Đông Xá | |
| 6 | 090057 | Hà Việt | Cường | 13/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090058 | Nguyễn Minh | Châu | 28/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 090059 | Vũ Đinh Hà | Châu | 26/07/2009 | 9 | THCS MÔNG DƯƠNG | |
| 9 | 090060 | Bùi Ngọc Uyển | Chi | 08/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 090061 | Đào Khánh | Chi | 05/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 11 | 090062 | Đào Nguyễn Yến | Chi | 07/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 090063 | Đỗ Linh | Chi | 05/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 090064 | Hoàng Hà | Chi | 14/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090065 | Hoàng Mai | Chi | 15/03/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 15 | 090066 | Ninh Phương | Chi | 23/01/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 16 | 090067 | Phạm Hạnh | Chi | 01/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 090068 | Phạm Khánh | Chi | 05/04/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 18 | 090069 | Phạm Quỳnh | Chi | 22/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 19 | 090070 | Phạm Thùy | Chi | 21/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 090071 | Trương Phạm Thảo | Chi | 06/03/2009 | 9 | THCS Cẩm Bình | |
| 21 | 090072 | Vũ Mai | Chi | 07/02/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 22 | 090073 | Trần Nguyễn Mạnh | Chiến | 20/12/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 23 | 090074 | Nguyễn Mai | Chinh | 25/01/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 24 | 090075 | Nguyễn Hữu | Chương | 12/02/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 25 | 090076 | Đỗ Ngọc | Dung | 16/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 38

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090077 | Ngô Mỹ | Dung | 22/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 090078 | Vũ Nhật | Dung | 15/06/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 3 | 090079 | Vũ Nhật | Dung | 15/06/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 4 | 090080 | Bùi Trí | Dũng | 23/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 090081 | Đỗ Mạnh | Dũng | 09/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 6 | 090082 | Nguyễn Trung | Dũng | 01/12/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 7 | 090083 | Nguyễn Anh | Duy | 24/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 8 | 090084 | Phạm Thế | Duyệt | 16/08/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 9 | 090085 | Mai Thuỳ | Dương | 29/11/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 10 | 090086 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 10/04/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 11 | 090087 | Phạm Thái | Dương | 23/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 090088 | Phạm Thuỳ | Dương | 21/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 13 | 090089 | Phạm Thùy | Dương | 28/10/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 14 | 090090 | Phan Thương Thu | Dương | 24/09/2009 | 9 | THCS Minh Thành | |
| 15 | 090091 | Trần Thái Thùy | Dương | 10/11/2009 | 9 | THCS Cẩm Thành | |
| 16 | 090092 | Đào Duy | Đan | 20/03/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 17 | 090093 | Phạm Linh | Đan | 18/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 090094 | Hồ Phúc | Đạt | 07/02/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 19 | 090095 | Văn Tiến | Đạt | 22/06/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 090096 | Vũ Tất Thành | Đạt | 24/09/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 21 | 090097 | Vũ Thành | Đạt | 10/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090098 | Nguyễn Hà | Điệp | 11/03/2009 | 9 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 23 | 090099 | Hoàng Trọng | Đức | 14/10/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 090100 | Tạ Quang | Đức | 08/10/2009 | 9 | Liên Cấp Quốc Tế Singapore TP Hạ Long | |
| 25 | 090101 | Trần Minh | Đức | 03/06/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 39

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090102 | Trần Trung | Đức | 17/03/2009 | 9 | Thcs Mông Dương | |
| 2 | 090103 | Nguyễn Hương | Giang | 15/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 3 | 090104 | Nguyễn Ngân | Giang | 06/02/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 4 | 090105 | Nguyễn Thị Hương | Giang | 08/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 090106 | Nguyễn Thị Trà | Giang | 08/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 090107 | Phạm Hà | Giang | 01/03/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 7 | 090108 | Phạm Hương | Giang | 27/07/2010 | 8 | THCS Việt Hưng | |
| 8 | 090109 | Trần Hương | Giang | 31/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 9 | 090110 | Vũ Hương | Giang | 16/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 090111 | Nguyễn Quỳnh | Giao | 27/09/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 090112 | Chung Diễm Ngọc | Hà | 27/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 090113 | Nguyễn Hồng | Hà | 18/01/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 13 | 090114 | Nguyễn Ngân | Hà | 12/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090115 | Nguyễn Thái Khải | Hà | 27/09/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 15 | 090116 | Nguyễn Thu | Hà | 13/08/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 16 | 090117 | Vũ Ngân | Hà | 03/10/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 090118 | Vũ Nguyễn Mai | Hà | 01/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 090119 | Trần Ngọc | Hải | 16/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 19 | 090120 | Tạ Tô Mỹ | Hạnh | 09/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090121 | Đoàn Thị Lâm | Hằng | 25/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 21 | 090122 | Nguyễn Minh | Hằng | 29/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090123 | Vương Minh | Hằng | 12/05/2010 | 8 | THCS Hưng Đạo | |
| 23 | 090124 | Đặng Thái | Hân | 18/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 24 | 090125 | Lưu Minh | Hiền | 27/10/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 25 | 090126 | Nguyễn Thanh | Hiền | 29/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 40

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090127 | Nguyễn Thanh | Hiền | 29/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 090128 | Trần Minh | Hiền | 26/02/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 3 | 090129 | Trần Thị Ngọc | Hiền | 03/11/2009 | 9 | TH&THCS Hoàng Tân | |
| 4 | 090130 | Hoàng Minh | Hiếu | 14/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 5 | 090131 | Nguyễn Trung | Hiếu | 16/11/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 6 | 090132 | Phạm Ngọc | Hiếu | 13/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090133 | Trần Đức | Hiếu | 20/12/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 8 | 090134 | Nguyễn Minh | Hòa | 04/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 9 | 090135 | Nguyễn Đăng | Hoàng | 17/10/2010 | 8 | THCS Ngô Quyền | |
| 10 | 090136 | Nguyễn Minh | Hoàng | 26/04/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 11 | 090137 | Tự Minh | Hoàng | 14/12/2009 | 9 | THCS Nguyễn Đức Cảnh | |
| 12 | 090138 | Nguyễn Danh | Hồng | 29/10/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 13 | 090139 | Trần Mạnh | Hùng | 20/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 14 | 090140 | Lê Quang | Huy | 26/10/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 15 | 090141 | Lê Tùng | Huy | 01/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 090142 | Lương Gia | Huy | 27/04/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 17 | 090143 | Lý Gia | Huy | 20/12/2010 | 8 | THCS Thống Nhất | |
| 18 | 090144 | Nguyễn Trần Công | Huy | 16/12/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 19 | 090145 | Phạm Nguyễn Tùng | Huy | 10/10/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 20 | 090146 | Trần Đức | Huy | 21/11/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 21 | 090147 | Đàm Thanh | Huyền | 04/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090148 | Nguyễn Khánh | Huyền | 21/10/2009 | 9 | TH &THCS Minh Khai | |
| 23 | 090149 | Hà Duy | Hưng | 09/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 090150 | Nguyễn Duy | Hưng | 18/03/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 25 | 090151 | Nguyễn Tiến | Hưng | 08/03/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 41

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090152 | Phạm Gia | Hưng | 15/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 2 | 090153 | Đinh Thị Thu | Hương | 01/11/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 3 | 090154 | Lê Giang | Hương | 24/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 090155 | Nguyễn Thị Thanh | Hương | 13/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 5 | 090156 | Doãn Trung | Kiên | 03/11/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 6 | 090157 | Lê Trung | Kiên | 10/10/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090158 | Nguyễn Thành | Kiên | 11/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 8 | 090159 | Nguyễn Thế | Kiên | 10/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 9 | 090160 | Nguyễn Trung | Kiên | 05/02/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 10 | 090161 | Phạm Trí | Kiên | 27/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 090162 | Đinh Tuấn | Kiệt | 28/02/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 12 | 090163 | Nguyễn Anh | Kiệt | 24/06/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 13 | 090164 | Phạm Tuấn | Kiệt | 02/05/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 14 | 090165 | Đặng Ngọc | Khánh | 10/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 090166 | Lê Bảo | Khánh | 06/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 16 | 090167 | Lê Phạm An | Khánh | 27/09/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 17 | 090168 | Phạm Vân | Khánh | 28/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 090169 | Vũ Vân | Khánh | 06/06/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 19 | 090170 | Trần Đức | Khiêm | 06/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 20 | 090171 | Phạm Trần Anh | Khoa | 15/10/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 21 | 090172 | Bùi Huy | Khôi | 30/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090173 | Đặng Bá | Lâm | 03/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 090174 | Lê Tùng | Lâm | 29/12/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 24 | 090175 | Nguyễn Tùng | Lâm | 13/02/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 25 | 090176 | Đỗ Phương | Linh | 16/09/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 42

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090177 | Đồng Phương | Linh | 06/12/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 2 | 090178 | Hà Yến | Linh | 09/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 3 | 090179 | Lee Chang | Linh | 25/01/2010 | 8 | Liên Cấp Quốc Tế Singapore TP Hạ Long | |
| 4 | 090180 | Lê Hoàng Thùy | Linh | 19/02/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 5 | 090181 | Lê Phương | Linh | 19/11/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 6 | 090182 | Lương Tuệ | Linh | 27/10/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090183 | Nguyễn Bảo | Linh | 21/02/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 8 | 090184 | Nguyễn Đặng Thùy | Linh | 12/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 090185 | Nguyễn Hà | Linh | 19/01/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 10 | 090186 | Nguyễn Hoàng | Linh | 22/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 11 | 090187 | Nguyễn Khánh | Linh | 01/10/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 12 | 090188 | Nguyễn Khánh | Linh | 08/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 13 | 090189 | Nguyễn Khánh | Linh | 04/11/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 14 | 090190 | Nguyễn Khánh | Linh | 07/02/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 090191 | Phạm Diệu | Linh | 30/01/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 16 | 090192 | Phạm Hà | Linh | 13/04/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 17 | 090193 | Phạm Hoàng | Linh | 19/11/2009 | 9 | THCS Đông Xá | |
| 18 | 090194 | Vũ Anh | Thư | 20/04/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 19 | 090195 | Phạm Khánh | Linh | 22/02/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 20 | 090196 | Phạm Ngọc Bảo | Linh | 08/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 090197 | Phạm Thùy | Linh | 25/06/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 22 | 090198 | Vũ Ngọc Mai | Linh | 02/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 090199 | Vũ Nguyễn Hà | Linh | 22/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 090200 | Vương Hà | Linh | 02/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 25 | 090201 | Vũ Hồng | Loan | 06/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 43

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090202 | Nguyễn Thành | Long | 29/03/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 2 | 090203 | Hoàng Minh | Lộc | 06/01/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |
| 3 | 090204 | Bùi Mai | Ly | 15/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 090205 | Lê Diệu | Ly | 14/07/2009 | 9 | THCS Mông Dương | |
| 5 | 090206 | Tạ Khánh | Ly | 12/12/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 6 | 090207 | Bùi Lê | Mai | 04/05/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090208 | Nguyễn Hoàng | Mai | 20/05/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 8 | 090209 | Nguyễn Ngọc | Mai | 18/01/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 9 | 090210 | Đoàn Tất | Mạnh | 23/10/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 10 | 090211 | Phạm Yến | Mi | 24/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 090212 | Bùi Thị Xuân | Minh | 06/04/2010 | 8 | THCS Việt Hưng | |
| 12 | 090213 | Hoàng Tiến | Minh | 12/09/2009 | 9 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 13 | 090214 | Mai Thuỷ | Minh | 09/02/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 14 | 090215 | Nguyễn Hoàng | Minh | 17/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 090216 | Nguyễn Quang | Minh | 02/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 090217 | Nguyễn Văn | Minh | 05/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 090218 | Trần Anh | Minh | 18/02/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 18 | 090219 | Văn Ngọc | Minh | 06/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 19 | 090220 | Vũ Duy | Minh | 14/12/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 20 | 090221 | Bùi Trà | My | 16/03/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 21 | 090222 | Cao Trần Hà | My | 19/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 22 | 090223 | Đoàn Huyền | My | 24/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Thuộc | |
| 23 | 090224 | Hồ Tuệ | Nam | 16/07/2010 | 8 | TH&THCS Bãi Cháy 2 | |
| 24 | 090225 | Lê Bảo | Nam | 23/10/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 25 | 090226 | Lê Thành | Nam | 13/07/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 44

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090227 | Nguyễn Trương Thảo | Nam | 21/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 090228 | Trần Chí | Nam | 06/06/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 3 | 090229 | Vũ Thành | Nam | 09/03/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 4 | 090230 | Hoàng Hồng | Ngân | 28/05/2009 | 9 | THCS Nguyễn Du | |
| 5 | 090231 | Nguyễn Hoàng | Ngân | 06/11/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 6 | 090232 | Nguyễn Thị Hà | Ngân | 09/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090233 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 11/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 090234 | Tô Tiến | Nghĩa | 24/02/2024 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 9 | 090235 | Lê Hoàng Khánh | Ngọc | 07/08/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 10 | 090236 | Lê Minh | Ngọc | 02/06/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 11 | 090237 | Nguyễn Khánh | Ngọc | 27/04/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 090238 | Nguyễn Linh | Ngọc | 30/04/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 13 | 090239 | Nguyễn Yến | Ngọc | 06/06/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090240 | Phạm Khánh | Ngọc | 27/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 090241 | Tô Minh | Ngọc | 07/06/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 16 | 090242 | Trần Thảo | Ngọc | 13/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 090243 | Đồng Mạnh | Nguyên | 08/02/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 090244 | Hoàng Khôi | Nguyên | 02/05/2010 | 8 | THCS Trới | |
| 19 | 090245 | Nguyễn Lâm | Nguyên | 04/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090246 | Vũ Đức Khôi | Nguyên | 11/02/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 21 | 090247 | Nguyễn Thị Minh | Nguyệt | 01/10/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Cái Rồng | |
| 22 | 090248 | Hoàng Đình | Nhân | 01/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 23 | 090249 | Vũ Trọng | Nhân | 19/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 24 | 090250 | Bùi Lê Uyên | Nhi | 10/10/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 25 | 090251 | Bùi Mai Tuệ | Nhi | 16/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 45

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090252 | Lê Yến | Nhi | 25/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | |
| 2 | 090253 | Ngô Yến | Nhi | 05/09/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 3 | 090254 | Nguyễn Diệu Thảo | Nhi | 30/07/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 090255 | Nguyễn Tuệ | Nhiên | 17/09/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 5 | 090256 | Phạm Phương | Nhung | 23/07/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 6 | 090257 | Nguyễn Ngọc Kiều | Oanh | 27/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 090258 | Phan Kiều | Oanh | 12/11/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 090259 | Nguyễn Hoàng | Phát | 02/11/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 9 | 090260 | Đinh Hải | Phong | 13/06/2010 | 8 | THCS Việt Hưng | |
| 10 | 090261 | Ngô Bảo | Phong | 22/11/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 11 | 090262 | Nguyễn Đức | Phong | 26/12/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 090263 | Nguyễn Nhất | Phong | 25/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Văn Cừ | |
| 13 | 090264 | Nguyễn Tuấn | Phong | 14/08/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 14 | 090265 | Nguyễn Tuấn | Phong | 23/02/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 15 | 090266 | Trần Nam | Phong | 25/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 090267 | Nguyễn Xuân | Phú | 30/09/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 17 | 090268 | Nguyễn Hà | Phương | 21/06/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 18 | 090269 | Nguyễn Mai | Phương | 21/09/2009 | 9 | THCS Cẩm Thịnh | |
| 19 | 090270 | Nguyễn Mạnh Mai | Phương | 26/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090271 | Nguyễn Minh | Phương | 01/12/2009 | 9 | TH&THCS Hà Trung | |
| 21 | 090272 | Nguyễn Minh | Phương | 23/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090273 | Nguyễn Thu | Phương | 12/01/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 23 | 090274 | Nguyễn Triều | Phương | 09/07/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 24 | 090275 | Phạm Mai | Phương | 16/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 25 | 090276 | Vũ Minh | Phương | 20/09/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 46

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090277 | Nguyễn Kim | Phượng | 17/02/2009 | 9 | THCS Phương Đông | |
| 2 | 090278 | Vũ Minh | Quang | 13/04/2009 | 9 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 3 | 090279 | Nguyễn Mạnh | Quân | 06/06/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 4 | 090280 | Phạm Anh | Quân | 04/05/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 5 | 090281 | Vũ Nguyễn Hoàng | Quân | 24/11/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 6 | 090282 | Nguyễn Duy Tô | Quyền | 20/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 090283 | Nguyễn Như | Quỳnh | 22/06/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 8 | 090284 | Dương Thái | Sơn | 11/01/2010 | 8 | THCS Lê Văn Tám | |
| 9 | 090285 | Hoàng Bảo | Sơn | 12/07/2009 | 9 | Song Ngữ Quốc Tế Học Viện Anh Quốc - UKA TP Hạ Long | |
| 10 | 090286 | Nguyễn Hữu Bảo | Sơn | 10/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 090287 | Vũ Hoàng | Sơn | 28/02/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 12 | 090288 | Phạm Tú | Tâm | 14/07/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 13 | 090289 | Vũ Thị Minh | Tâm | 30/04/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090290 | Nguyễn Minh | Tiến | 13/01/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 15 | 090291 | Đào Cẩm | Tú | 06/01/2009 | 9 | THCS Nguyễn Văn Thuộc | |
| 16 | 090292 | Đỗ Phương | Tú | 13/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 17 | 090293 | Phạm Quỳnh | Tú | 04/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 090294 | Cao Vũ Anh | Tuấn | 25/07/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 19 | 090295 | Đỗ Anh | Tuấn | 16/05/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 20 | 090296 | Hà Anh | Tuấn | 28/08/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 21 | 090297 | Trần Danh Đức | Tuấn | 25/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 090298 | Phạm Trường | Tuệ | 19/01/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 23 | 090299 | Lê Thanh | Tùng | 11/01/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 24 | 090300 | Nguyễn Vũ | Tùng | 16/10/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 25 | 090301 | Phạm Đức | Tùng | 16/09/2009 | 9 | THCS Ka Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 47

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090302 | Phạm Sơn | Tùng | 14/08/2010 | 8 | THCS Trới | |
| 2 | 090303 | Trình Bách | Tùng | 10/10/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 3 | 090304 | Trương Anh | Tùng | 28/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 090305 | Nguyễn Thanh | Tuyền | 18/02/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 5 | 090306 | Nguyễn Hữu | Tước | 11/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 090307 | Dương Thị Thanh | Thanh | 14/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 7 | 090308 | Đặng Kiều | Thanh | 14/03/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 8 | 090309 | Bùi Tiến | Thành | 28/06/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 9 | 090310 | Nguyễn Xuân | Thành | 21/12/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 10 | 090311 | Chu Phương | Thảo | 03/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 090312 | Hoàng Thị Hương | Thảo | 12/11/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 12 | 090313 | Nguyễn Phương | Thảo | 08/03/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 13 | 090314 | Nguyễn Phương | Thảo | 31/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 14 | 090315 | Trần Phương | Thảo | 02/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 090316 | Nguyễn Chiến | Thắng | 15/08/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 16 | 090317 | Nguyễn Đức | Thịnh | 23/10/2009 | 9 | THCS Ka Long | |
| 17 | 090318 | Trần Minh | Thu | 28/11/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 18 | 090319 | Phạm Thanh | Thuỷ | 10/09/2010 | 8 | TH&THCS Bãi Cháy 2 | |
| 19 | 090320 | Nguyễn Lê Ngọc | Thuý | 28/08/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090321 | Đoàn Thị Thanh | Thùy | 06/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 21 | 090322 | Bùi Kim | Thư | 02/01/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 22 | 090323 | Hoàng Anh | Thư | 25/01/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 23 | 090324 | Hoàng Lê Anh | Thư | 06/05/2010 | 8 | THCS Đức Chính | |
| 24 | 090325 | Mạc Đặng Phương | Nhi | 03/04/2009 | 9 | THCS Hồng Thái Tây | |
| 25 | 090326 | Nguyễn Vũ Anh | Thư | 09/07/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG ANH

Phòng thi 48

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 090327 | Phạm Song | Thư | 24/04/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 2 | 090328 | Trần Nguyễn Anh | Thư | 04/01/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 3 | 090329 | Hoàng Như | Trang | 23/12/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 4 | 090330 | Nguyễn Thùy | Trang | 22/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 5 | 090331 | Vi Thuỳ | Trang | 30/11/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Quảng Hà | |
| 6 | 090332 | Nguyễn Đình | Trọng | 12/02/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 7 | 090333 | Phạm Đức | Trọng | 23/12/2023 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 8 | 090334 | Phạm Thành | Trung | 08/02/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 090335 | Lê Văn | Trường | 07/04/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 10 | 090336 | Lương Mạnh | Trường | 23/09/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 11 | 090337 | Vũ Xuân | Trường | 08/07/2009 | 9 | UKA TP Hạ Long | |
| 12 | 090338 | Đỗ Khánh | Uyên | 29/04/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 13 | 090339 | Hoàng Thị Phương | Uyên | 18/02/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 14 | 090340 | Lê Đặng Phương | Uyên | 23/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 090341 | Bùi Thị Bảo | Vân | 10/02/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 16 | 090342 | Nguyễn Thảo | Vân | 16/03/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 17 | 090343 | Nguyễn Thùy | Vân | 17/07/2010 | 8 | THCS Phương Đông | |
| 18 | 090344 | Vũ Ngọc | Vân | 23/10/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 19 | 090345 | Vũ Văn | Vĩ | 10/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 20 | 090346 | Lê Thành | Vinh | 04/01/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 21 | 090347 | Nguyễn Đức Thành | Vinh | 07/04/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 22 | 090348 | Trần Huy | Vũ | 16/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 23 | 090349 | Nguyễn Thảo | Vy | 13/02/2009 | 9 | THCS Nguyễn Du | |
| 24 | 090350 | Nguyễn Thị Thảo | Vy | 15/08/2010 | 8 | THCS Mông Dương | |
| 25 | 090351 | Đào Hải | Yến | 03/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 25 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG TRUNG

Phòng thi 49

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 100001 | Nguyễn Bảo | An | 17/04/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 2 | 100002 | Đào Tú | Anh | 11/11/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 3 | 100003 | Hoàng Châu | Anh | 24/05/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 4 | 100004 | Hoàng Minh | Anh | 24/05/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 5 | 100005 | Lê Kim | Anh | 21/11/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 6 | 100006 | Lê Lan | Anh | 08/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 100007 | Lưu Diệp | Anh | 09/11/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 100008 | Nguyễn Hoài | Anh | 07/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 9 | 100009 | Nguyễn Minh | Anh | 11/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 10 | 100010 | Nguyễn Phương | Anh | 03/04/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 100011 | Nguyễn Phương | Anh | 20/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 12 | 100012 | Trần Quang | Bách | 25/10/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 100013 | Ngọc Quỳnh | Chi | 23/10/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 14 | 100014 | Nguyễn Quỳnh | Chi | 07/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 15 | 100015 | Phạm Quỳnh | Chi | 31/08/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 16 | 100016 | Vũ Tiến | Dũng | 18/08/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 100017 | Nguyễn Thuỳ | Dương | 14/12/2010 | 8 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 18 | 100018 | Nguyễn Sĩ | Đôn | 27/07/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 19 | 100019 | Trần Nguyễn Mạnh | Đức | 23/02/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 20 | 100020 | Nguyễn Thanh | Hà | 13/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 21 | 100021 | Nguyễn Ngọc | Hân | 05/11/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 22 | 100022 | Nguyễn Ngọc | Hân | 05/11/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Văn Lang | |
| 23 | 100023 | Lùng Ngọc | Huyền | 14/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 24 | 100024 | Lùng Ngọc | Huyền | 14/10/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 25 | 100025 | Nguyễn Phú | Hưng | 13/03/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 26 | 100026 | Hà Ngọc Bảo | Khánh | 21/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 27 | 100027 | Dương Đại | Lập | 22/03/2007 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 28 | 100028 | Hoàng Phương | Linh | 17/09/2009 | 9 | THCS Hà Tu | |

*Danh sách này gồm 28 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
## Môn: TIẾNG TRUNG

Phòng thi 50

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 100029 | Lê Thảo | Linh | 12/02/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 2 | 100030 | Lương Nguyễn Hà | Linh | 25/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 3 | 100031 | Nguyễn Thùy | Linh | 20/09/2010 | 8 | THCS Hà Tu | |
| 4 | 100032 | Ứng Khánh | Linh | 03/02/2009 | 9 | THCS Bãi Cháy | |
| 5 | 100033 | Nguyễn Phương | Ly | 27/11/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 6 | 100034 | Phạm Tuệ | Minh | 25/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 100035 | Vũ Trường | Minh | 11/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 100036 | Bùi Bảo | Ngọc | 30/12/2009 | 9 | TH, THCS, THPT Lê Thánh Tông | |
| 9 | 100037 | Nguyễn Phúc Thiên | Ngọc | 27/01/2010 | 8 | THCS Cao Thắng | |
| 10 | 100038 | Bùi Đan | Nhi | 19/04/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 11 | 100039 | Bùi Uyển | Nhi | 26/11/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 12 | 100040 | Chu Bảo | Nhi | 29/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 13 | 100041 | Nguyễn Minh | Phương | 17/09/2009 | 9 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 14 | 100042 | Trần Hà | Phương | 26/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 100043 | Đặng Hùng | Sơn | 17/03/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 16 | 100044 | Trương Mậu | Thái | 25/08/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 17 | 100045 | Lã Tâm | Thảo | 16/11/2009 | 9 | THCS Trới | |
| 18 | 100046 | Nguyễn Linh | Thùy | 01/03/2009 | 9 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 19 | 100047 | Nguyễn Phương | Thùy | 27/08/2009 | 9 | THCS Hồng Hải | |
| 20 | 100048 | Bùi Anh | Thư | 27/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí | |
| 21 | 100049 | Đoàn Nguyễn Anh | Thư | 06/08/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 100050 | Lê Phương | Uyên | 15/12/2009 | 9 | THCS Bai Cháy 2 | |
| 23 | 100051 | Trần Thị Thảo | Uyên | 11/03/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 24 | 100052 | Trần Khánh | Vân | 24/03/2009 | 9 | THCS Cao Thắng | |
| 25 | 100053 | Mai Thái | Vương | 31/01/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 26 | 100054 | Đặng Thảo | Vy | 29/06/2009 | 9 | THCS Hòa Lạc | |
| 27 | 100055 | Nguyễn Ngọc Phương | Vy | 01/01/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 28 | 100056 | Vũ Phương | Vy | 16/07/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 28 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TIN HỌC

Phòng thi 51

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 020001 | Hoàng Nam | Anh | 23/10/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 2 | 020002 | Trương Ngọc | Ánh | 07/06/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 3 | 020003 | Nguyễn Đinh Gia | Bảo | 31/01/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 4 | 020004 | Đặng Tiến | Cường | 19/02/2010 | 8 | THCS Lê Quý Đôn | |
| 5 | 020005 | Phạm Bảo | Châu | 13/08/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 6 | 020006 | Vũ Thị Kiều | Diễm | 01/08/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 7 | 020007 | Đỗ Hoàng | Dũng | 02/11/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 8 | 020008 | Hà Thế | Dũng | 03/03/2010 | 8 | THCS Trới | |
| 9 | 020009 | Nguyễn Trọng Khánh | Duy | 26/07/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 10 | 020010 | Phạm Bảo | Duy | 16/09/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 11 | 020011 | Đặng Đức | Dương | 14/10/2011 | 8 | THCS Bái Tử Long | |
| 12 | 020012 | Nguyễn Hải | Dương | 05/04/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 13 | 020013 | Phạm Thùy | Dương | 14/12/2010 | 8 | THCS Cửa Ông | |
| 14 | 020014 | Hoàng Duy | Đạt | 03/08/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 15 | 020015 | Lê Vũ Anh | Đạt | 06/06/2010 | 8 | Thcs Cửa Ông | |
| 16 | 020016 | Nguyễn Đức | Đạt | 12/09/2010 | 8 | THCS Đại Yên | |
| 17 | 020017 | Nguyễn Thành | Đạt | 12/03/2009 | 9 | THCS Kim Đồng | |
| 18 | 020018 | Tô Hoàng Hải | Đăng | 27/06/2009 | 9 | THCS Kim Sơn | |
| 19 | 020019 | Bùi Minh | Đức | 20/06/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 020020 | Phùng Văn | Đức | 19/10/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 21 | 020021 | Ngô Trung | Hải | 27/08/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 22 | 020022 | Nguyễn Bảo | Hân | 06/11/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 23 | 020023 | Bùi Trung | Hiếu | 13/10/2024 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |

*Danh sách này gồm 23 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TIN HỌC

Phòng thi 52

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 020024 | Đặng Trung | Hiếu | 05/02/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 2 | 020025 | Đinh Đức | Hiếu | 12/11/2010 | 8 | THCS Hiệp Hòa | |
| 3 | 020026 | Nguyễn Trung | Hiếu | 02/07/2010 | 8 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 4 | 020027 | Nguyễn Minh | Hoàng | 03/01/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 5 | 020028 | Nguyễn Trọng | Hoàng | 06/09/2011 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 6 | 020029 | Hoàng Minh | Hùng | 27/11/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 7 | 020030 | Lê Phúc | Hưng | 23/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 020031 | Lê Phúc | Hưng | 23/11/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 9 | 020032 | Trần Duy | Hưng | 11/05/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 10 | 020033 | Trần Quang | Hưng | 14/02/2010 | 8 | THCS Hồng Hải | |
| 11 | 020034 | Vũ Mạnh | Hưng | 23/05/2009 | 9 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 12 | 020035 | Vũ Khắc Tuấn | Khang | 07/01/2010 | 8 | THCS Lí Tự Trọng | |
| 13 | 020036 | Nguyễn Minh | Khôi | 01/12/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 14 | 020037 | Lê Bảo | Lâm | 27/05/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 15 | 020038 | Nguyễn Tùng | Lâm | 17/03/2010 | 8 | THCS Cửa Ông | |
| 16 | 020039 | Nguyễn Xuân | Lâm | 26/09/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 020040 | Trần Phú | Lâm | 17/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 18 | 020041 | Đặng Khánh | Linh | 10/05/2010 | 8 | THCS Mạo Khê 1 | |
| 19 | 020042 | Hoàng Thanh | Mạnh | 02/01/2009 | 9 | THCS Thị Trấn Bình Liêu | |
| 20 | 020043 | Lê Đức | Mạnh | 12/06/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 21 | 020044 | Nguyễn Đức | Minh | 06/05/2009 | 9 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 22 | 020045 | Nguyễn Ngọc | Minh | 05/10/2010 | 8 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 23 | 020046 | Nguyễn Trọng | Minh | 07/08/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |

*Danh sách này gồm 23 thí sinh.*

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG**

Cuộc thi Olympic các môn chuyên năm 2024

Khóa thi ngày 31/3/2024

# DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

## Môn: TIN HỌC

Phòng thi 53

| TT | SBD | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | LỚP | Đơn vị dự thi | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 020047 | Bùi Hoàng | Nam | 17/06/2009 | 9 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |
| 2 | 020048 | Hoàng Bá | Nam | 24/12/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 3 | 020049 | Lê Trần An | Nam | 01/05/2009 | 9 | THCS Lý Tự Trọng | |
| 4 | 020050 | Đào Minh | Ngọc | 17/02/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 5 | 020051 | Đào Minh | Ngọc | 17/02/2010 | 8 | TH&THCS Minh Khai | |
| 6 | 020052 | Mai Nam | Nguyên | 10/07/2009 | 9 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 7 | 020053 | Phạm Hải | Như | 21/12/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Hạ Long | |
| 8 | 020054 | Nguyễn Bảo | Phong | 05/05/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 9 | 020055 | Bùi Vũ Gia | Phú | 18/09/2010 | 8 | THCS Hòa Lạc | |
| 10 | 020056 | Đinh Quang | Phú | 16/10/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | |
| 11 | 020057 | Nguyễn Minh | Quang | 30/04/2010 | 8 | THCS Bãi Cháy | |
| 12 | 020058 | Đỗ Trung | Sơn | 20/04/2010 | 8 | THCS Chu Văn An - Cẩm Phả | |
| 13 | 020059 | Bùi Minh | Tiến | 01/01/2010 | 8 | THCS Hoàng Quế | |
| 14 | 020060 | Trần Tuấn | Tú | 12/04/2009 | 9 | THCS Lê Văn Tám | |
| 15 | 020061 | Lê Hoàng | Tùng | 09/01/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 16 | 020062 | Lê Duy | Thái | 30/03/2010 | 8 | THCS Trần Quốc Toản - Hạ Long | |
| 17 | 020063 | Nguyễn Hoàng | Thiên | 24/07/2010 | 8 | Thực Hành Sư Phạm | |
| 18 | 020064 | Nguyễn Hợp | Thiện | 31/10/2011 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 19 | 020065 | Đào Tiến | Thịnh | 29/07/2010 | 8 | THCS Nguyễn Trãi | |
| 20 | 020066 | Đỗ Đắc | Thịnh | 29/11/2009 | 9 | THCS Mạo Khê 2 | |
| 21 | 020067 | Trần Hoàng Phú | Triệu | 20/07/2010 | 8 | TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm | |
| 22 | 020068 | Hoàng Công | Vinh | 27/09/2010 | 8 | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | |
| 23 | 020069 | Nguyễn Thế | Vinh | 13/02/2009 | 9 | Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | |

*Danh sách này gồm 23 thí sinh.*